

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 541 /UBND- VH TT

Bỉm Sơn, ngày 5 tháng 4 năm 2017

V/v hoàn chỉnh ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Văn hóa Thể thao và DL Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 3164/UBND - VX ngày 28 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc hoàn chỉnh ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo như sau:

Ngày 04 tháng 7 năm 2016, UBND thị xã Bỉm Sơn nhận được kế hoạch số 101/KH - HĐTV của Hội đồng tư vấn đặt tên đường, phố tỉnh Thanh Hóa về việc lập ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND thị xã Bỉm Sơn đã tiến hành triển khai rà soát, thống kê, lựa chọn lập ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng báo cáo với sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa tại Công văn số 1544/UBND - VH TT ngày 25 tháng 7 năm 2016.

Ngày 12 tháng 01 năm 2017, UBND thị xã Bỉm Sơn nhận được Công văn số 87/SVHTTDL - NVVH của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa về việc rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn; UBND thị xã Bỉm Sơn đã tiến hành rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị xã, báo cáo kết quả về sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa tại Công văn số 382/UBND - VH TT ngày 10 tháng 3 năm 2017.

(UBND Thị xã gửi kèm theo các văn bản liên quan).

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo Sở Văn hóa Thể thao và DL Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VH TT.



Mai Đình Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌM SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **382** /UBND-VHTT

Bim Sơn, ngày **10** tháng 3 năm 2017

V/v rà soát thống kê phân loại
các tuyến đường, phố và công trình
công cộng trên địa bàn thị xã

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 87/SVHTTDL - NVVH ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa về việc rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị xã. UBND thị xã Bim Sơn đã tiến hành rà soát thống kê phân loại các tuyến đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn thị xã, báo cáo kết quả như sau:

1, Tên đường, phố, công trình công cộng đã đặt trước khi có nghị định 91/2005:

- Tổng số 139 tên đường, phố (Có danh sách kèm theo).
- Tổng số 22 công trình công cộng (Có danh sách kèm theo).

2, Tên đường, phố, công trình công cộng đã đặt sau khi có nghị định 91/2005 đến nay:

Từ năm 2006 đến nay thị xã Bim Sơn chưa đặt tên đường, phố, công trình công cộng nào.

3, Các tuyến phố đề nghị đặt tên:

Thị xã Bim Sơn đề nghị đặt 9 tên phố (có danh sách và thuyết minh kèm theo).

UBND thị xã Bim Sơn báo cáo để Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VHTT.



Mai Đình Lâm



**TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐÃ ĐẠT
TRƯỚC KHI CÓ NGHỊ ĐỊNH 91/2005.**

(Kèm theo Công văn số /UBND-VPTT ngày tháng 3 năm 2017
của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



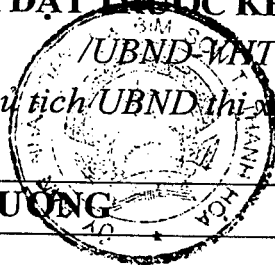
STT	TÊN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	GHI CHÚ
1	Trường THCS Quang Trung	
2	Trường Tiểu học Quang Trung	
3	Trường Mầm Non Quang Trung	
4	Trường Mầm Non Phú Sơn	
5	Trường THCS Ba Đình	
6	Trường Tiểu học Ba Đình	
7	Trường Mầm Non Ba Đình	
8	Trường THCS Ngọc Trạo	
9	Trường Tiểu học Ngọc Trạo	
10	Trường Mầm Non Ngọc Trạo	
11	Trường THCS Bắc Sơn	
12	Trường Tiểu học Bắc Sơn	
13	Trường Mầm Non Bắc Sơn	
14	Trường THCS Hà Lan	
15	Trường Tiểu học Hà Lan	
16	Trường Mầm Non Hà Lan	
17	Trường THCS Lê quý Đôn	
18	Trường Tiểu học Lam Sơn 1	
19	Trường Tiểu học Lam Sơn 3	
20	Trường Tiểu học Đông Sơn	
21	Trường Mầm Non Đông Sơn	
22	Trường PTTH Lê Hồng Phong	



TÊN ĐƯỜNG, PHỐ ĐÃ ĐẶT TRƯỚC KHI CÓ NGHỊ ĐỊNH 91/2005.

(Kèm theo Công văn số:

UBND-MNTT ngày tháng 3 năm 2017
của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



STT	TÊN ĐƯỜNG	GHI CHÚ
1.	Trần Phú	
2.	Nguyễn Văn Cừ	
3.	Nguyễn Huệ	
4.	Nguyễn Trãi	
5.	Bà Triệu	
6.	Trần Hưng Đạo	
7.	Lê Thánh Tông	
8.	Lê Lợi	
9.	Hai Bà Trưng	
10.	Nguyễn Đức Cảnh	
11.	Tôn Thất Thuyết	
12.	Cù Chính Lan	
13.	Hà Huy Tập	
14.	Võ Thị Sáu	
15.	Tô Vĩnh Diện	
16.	Mai Hắc Đế	
17.	Đào Duy Anh	
18.	Đoàn Kết	
19.	Nguyễn Đình Chiểu	
20.	Phan Huy Chú	
21.	Lý Tự Trọng	
22.	Nguyễn Bính	
23.	Phan Đình Phùng	
24.	Dương Đình Nghệ	
25.	Phan Đình Giót	
26.	Lý Thường Kiệt	
27.	Đinh Công Tráng	
28.	Tổng Duy Tân	
29.	Chu Văn An	
30.	Nguyễn Văn Trỗi	
31.	Hoàng Hoa Thám	

32.	Đào Duy Từ		
33.	Tô Hiệu		
34.	Phan Bội Châu		
35.	Lê Chân		
36.	Lê Văn Hưu		
37.	Trần Xuân Soạn		
38.	Nguyễn Việt Xuân		
39.	Lê Chí Trực		
40.	Lê Hữu Lập		
41.	Lê Đình Chinh		
42.	Ngô Quyền		
43.	Lê Văn Tám		
44.	Nguyễn Bá Ngọc		
45.	Bùi Thị Xuân		
46.	Tổng Duy Tân		
47.	Cao Thắng		
48.	Lê Quý Đôn		
49.	Đội Cấn		
50.	Yết Kiêu		
51.	Hàm Nghi		
52.	Nguyễn Thiện		
53.	Lãn Ông		
54.	Cao Diên		
55.	Cầm Bá Thước		
56.	Nguyễn Kiên		
57.	Phạm Bành		
58.	Nguyễn Quốc Trị		
59.	Thi Sách		
60.	Trần nguyên Hãn		
61.	Đinh Tiên Hoàng		
62.	Tôn Thất Tùng		
63.	Kim Đồng		
64.	Lê Đại Hành		
65.	Nguyễn Xuân		
66.	Nguyễn Trường Tộ		
67.	Nguyễn Tri Phương		

68.	Tạ Quang Bửu	
69.	Nguyễn Thị Minh Khai	
70.	Đoàn thị Điểm	
71.	Phan Chu Trinh	
72.	Phạm Hồng Thái	
73.	Hà Văn Mao	
74.	Nguyễn Du	
75.	Hồ Tùng Mậu	
76.	Hoàng Diệu	
77.	Lê Lai	
78.	Trần Quang Khải	
79.	Phùng Hưng	
80.	Trần Quý Cáp	
81.	Lương Đình Của	
82.	Thanh Niên	
83.	Nguyễn Bình Khiêm	
84.	Lê Trọng Tấn	
85.	Trương Định	
86.	Phùng Khắc Khoan	
87.	Hồ Quý Ly	
88.	Nguyễn Gia Thiều	
89.	Hàn Mặc Tử	
90.	Ngô Gia Tự	
91.	Đặng Trần Côn	
92.	Đào Tấn	
93.	Phùng Chí Kiên	
94.	Phan Kế Toại	
95.	Hồ Nguyên Trừng	
96.	Đặng Tiến Đông	
97.	Lê Phụng Hiểu	
98.	Nguyễn Khuyến	
99.	Huỳnh Thúc Kháng	
100.	Lương Ngọc Quyến	
101.	Nam Cao	
102.	Ngô Tất Tố	
103.	Lý Nam Đế	

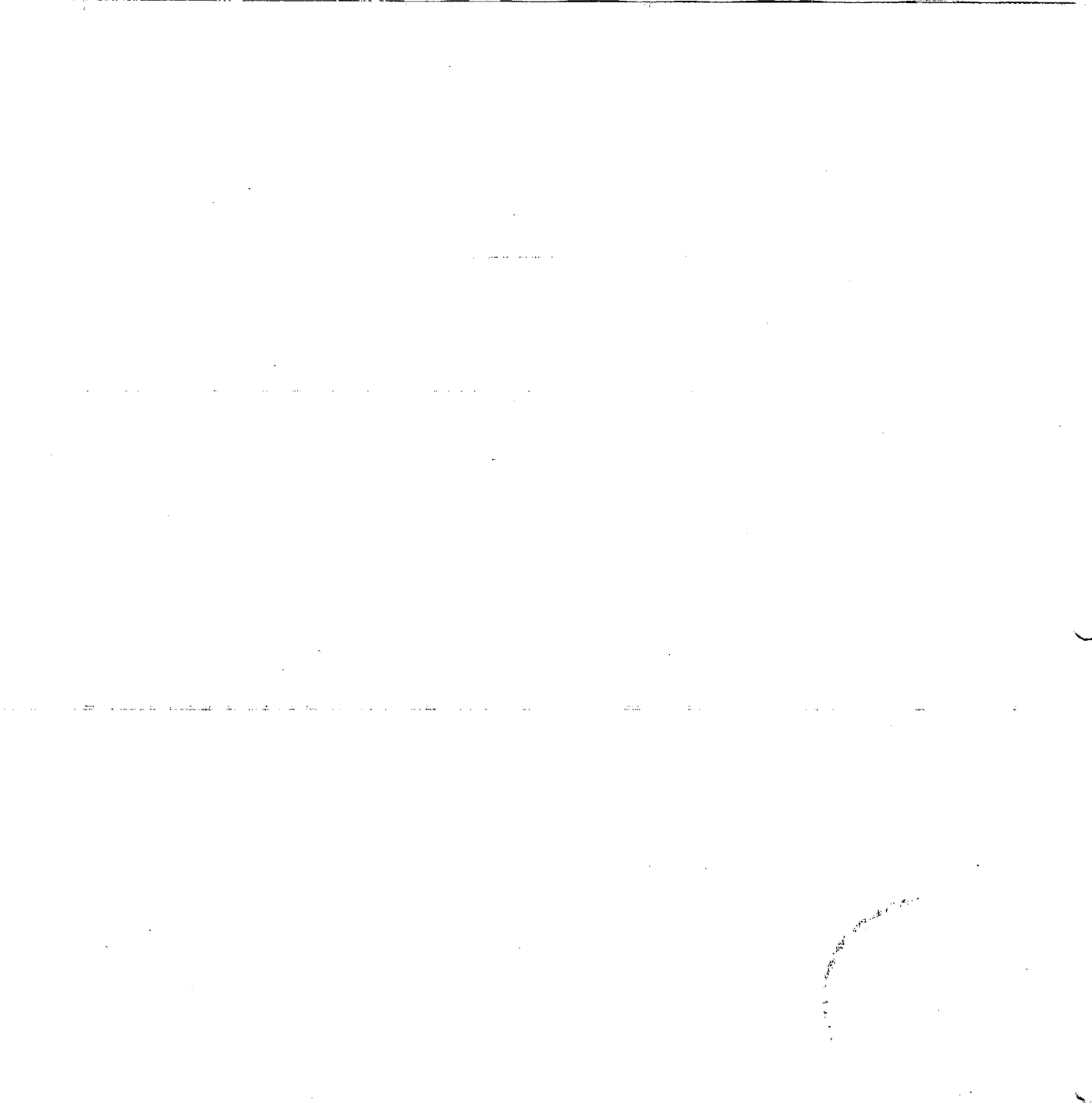
104.	Mạc Đăng Dung		
105.	Nguyễn Thiếp		
106.	Trương Hán Siêu		
107.	Trần Tế Xương		
108.	Nguyễn Tri Phương		
109.	Nguyễn Thái Học		
110.	Trần Đại Nghĩa		
111.	Nguyễn Trục		
112.	Hàn Thuyên		
113.	Ngô Sỹ Liên		
114.	Lương Thế Vinh		
115.	Mạc Đĩnh Chi		
116.	Lương Đắc Bằng		
117.	Hồ Xuân Hương		
118.	Trần Nguyên Đán		
119.	Phạm Hùng		
120.	Lê Thanh Nghị		
121.	Lương Văn Can		
122.	Ngô Thị Nhậm		
123.	Phạm Sư Mạnh		
124.	Ngô Văn Sở		
125.	Trần Thái Tông		
126.	Nguyễn Thiện Thuật		
127.	Lý Thái Tổ		
128.	Trần Khát Chân		
129.	Lý Nhân Tông		
130.	Thiệu Trị		
131.	Hoàng Văn Thụ		
132.	Đặng Dung		
133.	Đặng Quang		
134.	Bùi Xương Trạch		
135.	Trần Khánh Dư		
136.	Ngô Thì Sĩ		
137.	Ngô Gia Khâm		
138.	Hoàng Minh Giám		
139.	Hàm Long		

CÁC TUYẾN PHỐ ĐỀ NGHỊ ĐẶT TÊN

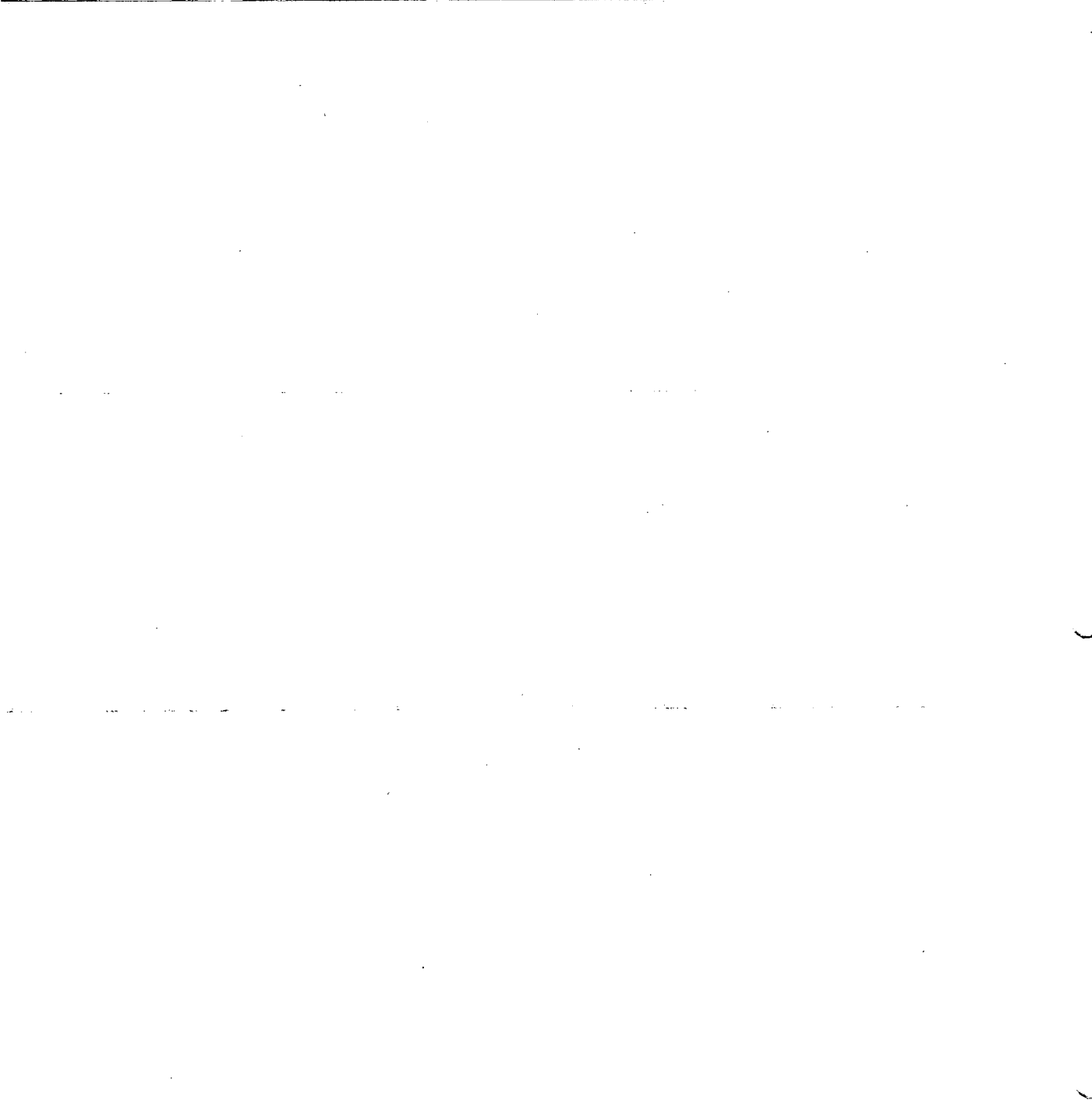
(Kèm theo Công văn số **UBND-VHTT** ngày tháng 3 năm 2017
của **Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn**)



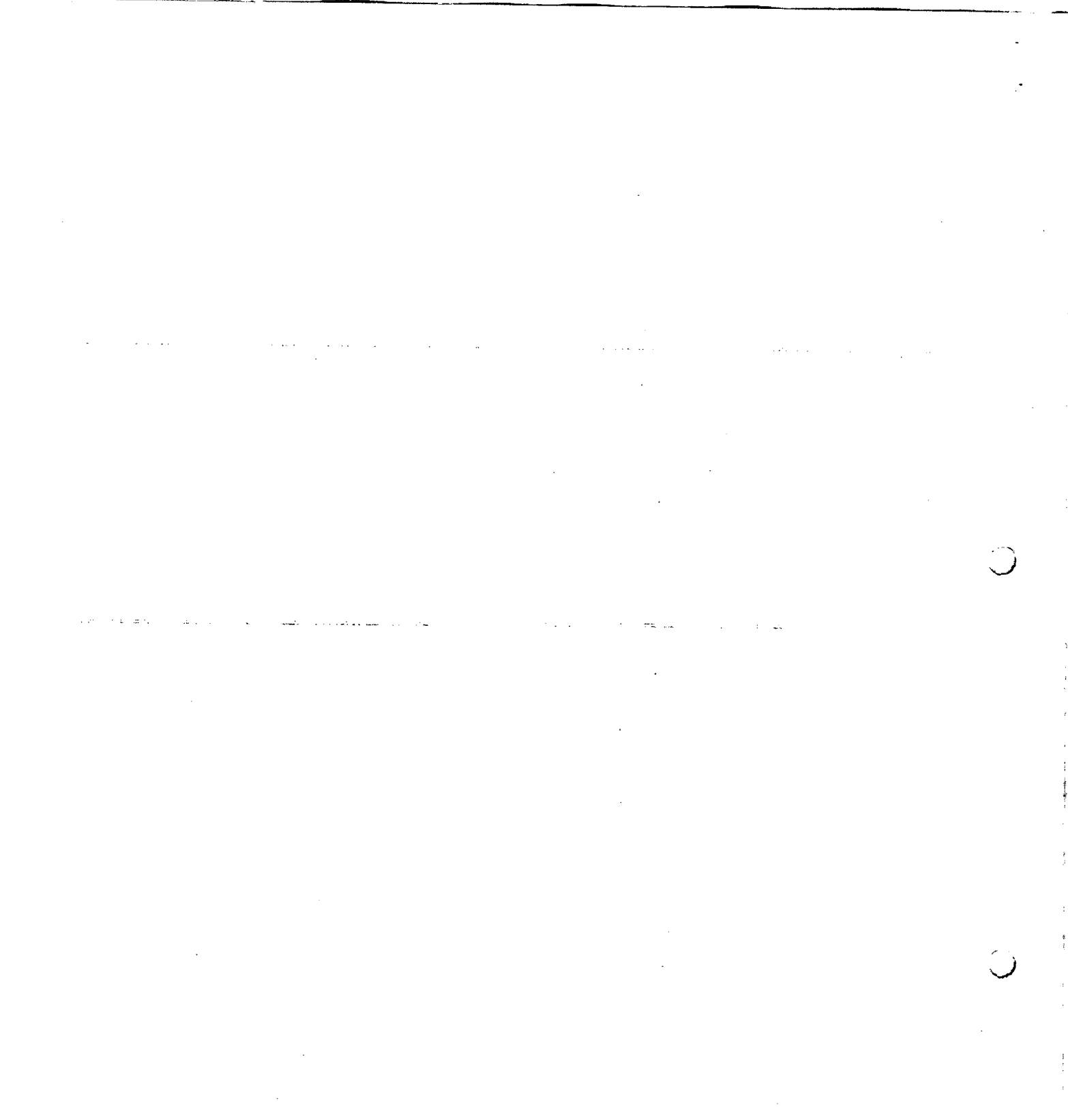
Số TT	TÊN PHỐ	ĐIỂM ĐẦU	ĐIỂM CUỐI	CHIỀU DÀI TUYẾN (m)	CHIỀU RỘNG MẶT CẮT NGANG THỰC TẾ (m)
I	PHƯỜNG NGỌC TRẠO (1 tuyến)				
1	Tuệ Tĩnh	Đường Đoàn Kết	Hết khu dân cư (nhà Lê Thị Chiến, Khu phố 3)	560	4.3
II	PHƯỜNG BẮC SƠN (5 tuyến)				
1	Xuân Diệu	Đường Bà Triệu	Đường Triệu Quốc Đạt	320	3.5
2	Lê Đức Thọ	Đường Hoàng Diệu	Hết khu dân cư (Khu phố 2)	420	3.5
3	Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lai	Đường Lý Thái Tổ (Liên khu 4+5)	600	4.0
4	Đoàn Khuê	Đường Hồ Tùng Mậu (nhà bà Sừu)	Hết khu dân cư (Nhà bà Suốt, Khu phố 11)	530	7.0
III	PHƯỜNG BA ĐÌNH (3 tuyến)				
1	Nguyễn Khoái	Nhà ông Nguyễn Đăng Lương (Khu phố 10)	Hết khu dân cư (Khu phố 10)	700	6.5
IV	PHƯỜNG LAM SƠN (1 tuyến)				
1	Nguyễn Cao	Đường Lê Lợi	Đến hết khu dân cư (Khu phố 4)	400	9.5
V	PHƯỜNG ĐÔNG SƠN (2 tuyến)				
1	Khuất Duy Tiến	Đường Lê Lợi	Đường Phùng Chí Kiên	420	6.0
2	Hoàng Quốc Việt	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Nhà bà Lê Thị Đào (Khu phố 5)	400	3.5



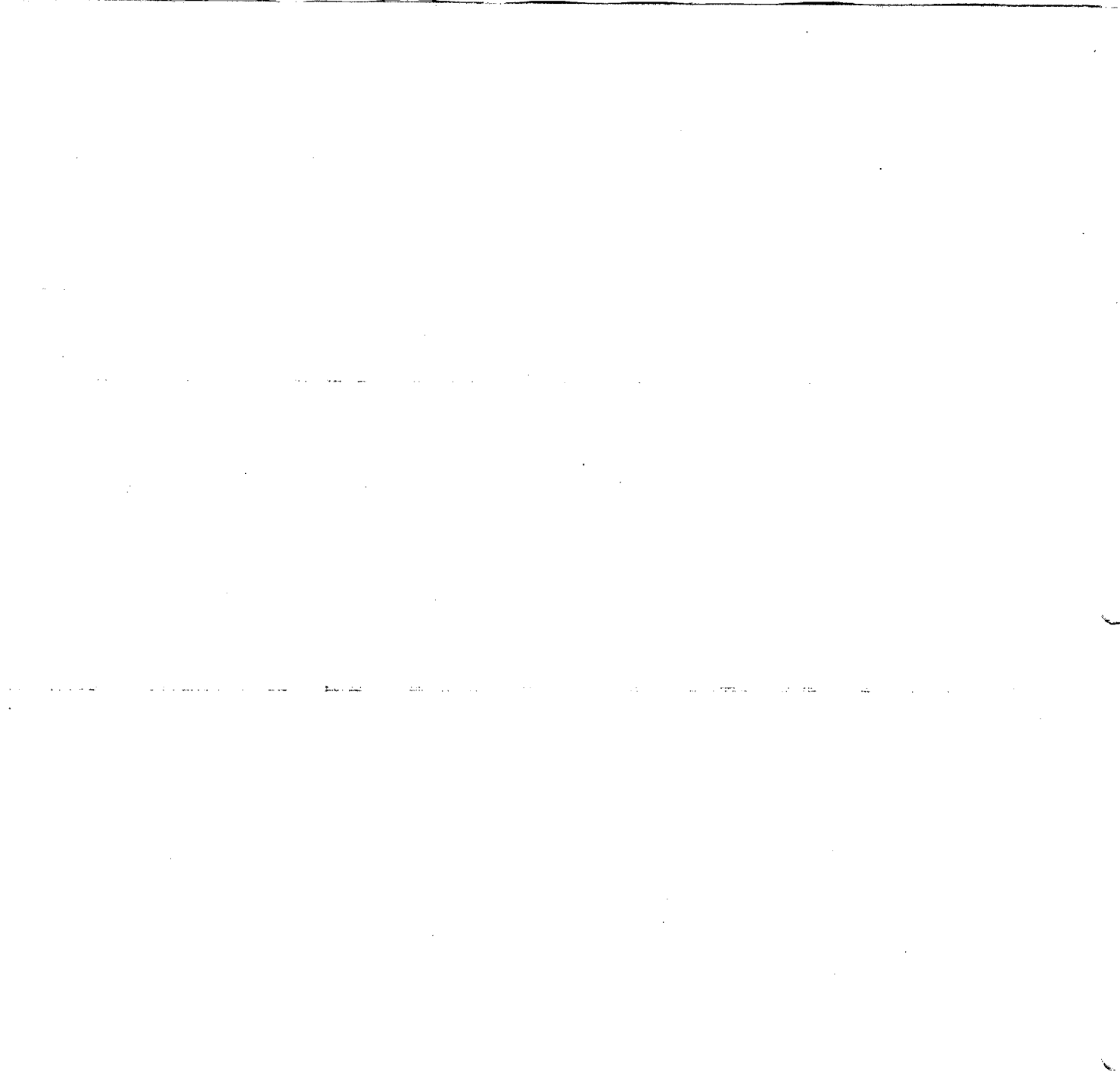
Số TT	TÊN PHÓ	GHI CHÚ
1	Tuệ Tĩnh	<p>Tuệ Tĩnh Thiên sư, thường được gọi tắt là Tuệ Tĩnh hoặc Huệ Tĩnh, người làng Nghĩa Phú, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là tỉnh Hải Dương) được phong là ông tổ ngành dược Việt Nam và là người mở đầu cho nền y dược cổ truyền Việt Nam.</p> <p>Ông chính tên là Nguyễn Bá Tĩnh, biệt hiệu là Tráng Tử Vô Dật, quê ở làng Xưa, tổng Văn Thái, huyện Cẩm Giàng, phủ Thượng Hồng (nay là thôn Nghĩa Phú, xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương).</p> <p>Năm 55 tuổi (1385), Tuệ Tĩnh bị đưa đi cống cho triều đình nhà Minh. Sang Trung Quốc, ông vẫn làm thuốc, nổi tiếng, được vua Minh phong là Đại y Thiên sư, mất ở đó, không rõ năm nào. Bia văn chi ở làng Nghĩa Phú (do Nguyễn Danh Nho soạn năm 1697) cùng các tư liệu khác ở địa phương đều ghi như vậy.</p> <p>Những năm ở trong nước, Tuệ Tĩnh đã chăm chú nghề thuốc: trồng cây thuốc, sưu tầm kinh nghiệm chữa bệnh trong dân gian, huấn luyện y học cho các tầng đồ. Ông đã tổng hợp y dược dân tộc cổ truyền trong bộ sách giá trị là bộ Nam dược thần hiệu chia làm 10 khoa. Đặc biệt, ông có bộ Hồng Nghĩa giác tư y thư (2 quyển) biên soạn bằng quốc âm, trong đó có bản thảo 500 vị thuốc nam, viết bằng thơ Nôm Đường luật, và bài "Phú thuốc Nam" 630 vị cũng bằng chữ Nôm.</p> <p>Từ bao đời nay, giới y học Việt Nam và nhân dân đều công nhận Tuệ Tĩnh có công lao to lớn trong việc xây dựng một quan điểm y học độc lập, tự chủ, sát với thực tế Việt Nam. Câu nói của ông: "Nam dược trị Nam nhân" thể hiện quan điểm đầy biện chứng về mối quan hệ mật thiết giữa con người với môi trường sống xung quanh. Quan điểm ấy dẫn dắt ông lên ngôi vị cao nhất của nền y học cổ truyền Việt Nam: Ông Thánh thuốc Nam! Trong trước tác của mình, ông không rập khuôn theo các trước tác của các đời trước, Ông đã nêu ra nhiều phương pháp khác nhau để chữa bệnh như: châm, chích, chườm, bóp, xoa, ăn, uống, hơ, xông, v.v.</p> <p>Tuệ Tĩnh còn tập hợp những bài thuốc chữa bệnh cho gia súc. Có thể nói, ông đã góp phần đặt cơ sở cho ngành thú y dân tộc của Việt Nam.</p>
2	Xuân Diệu	<p>Xuân Diệu (2 tháng 2 năm 1916 – 18 tháng 12 năm 1985) là một trong những nhà thơ lớn của Việt Nam. Ông được mệnh danh là "ông hoàng thơ tình".</p> <p>Sau khi theo đảng (1945), thơ ông chủ yếu ca ngợi Đảng Lao động Việt Nam, Hồ Chí Minh, thơ tình của ông không còn được biết đến nhiều như trước.</p> <p>Ngoài làm thơ, Xuân Diệu còn là một nhà văn, nhà báo, nhà bình luận văn học.</p> <p>Ông tên thật là Ngô Xuân Diệu, quê quán làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sinh tại Gò Bồi, thôn Tùng Giản, xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông là một trong những người sáng lập Đoàn báo chí Việt Nam, nay là Hội Nhà báo Việt Nam.</p> <p>Trong sự nghiệp sáng tác thơ văn của mình, Xuân Diệu được biết đến như là một nhà thơ lãng mạn trữ tình, "nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới" (Hoài Thanh), "ông hoàng của thơ tình".</p> <p>Xuân Diệu là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn và cũng đã là một trong những chủ soái của phong trào "Thơ Mới".</p> <p>Năm 1944, Xuân Diệu tham gia phong trào Việt Minh. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông hoạt động trong Hội văn hóa cứu</p>



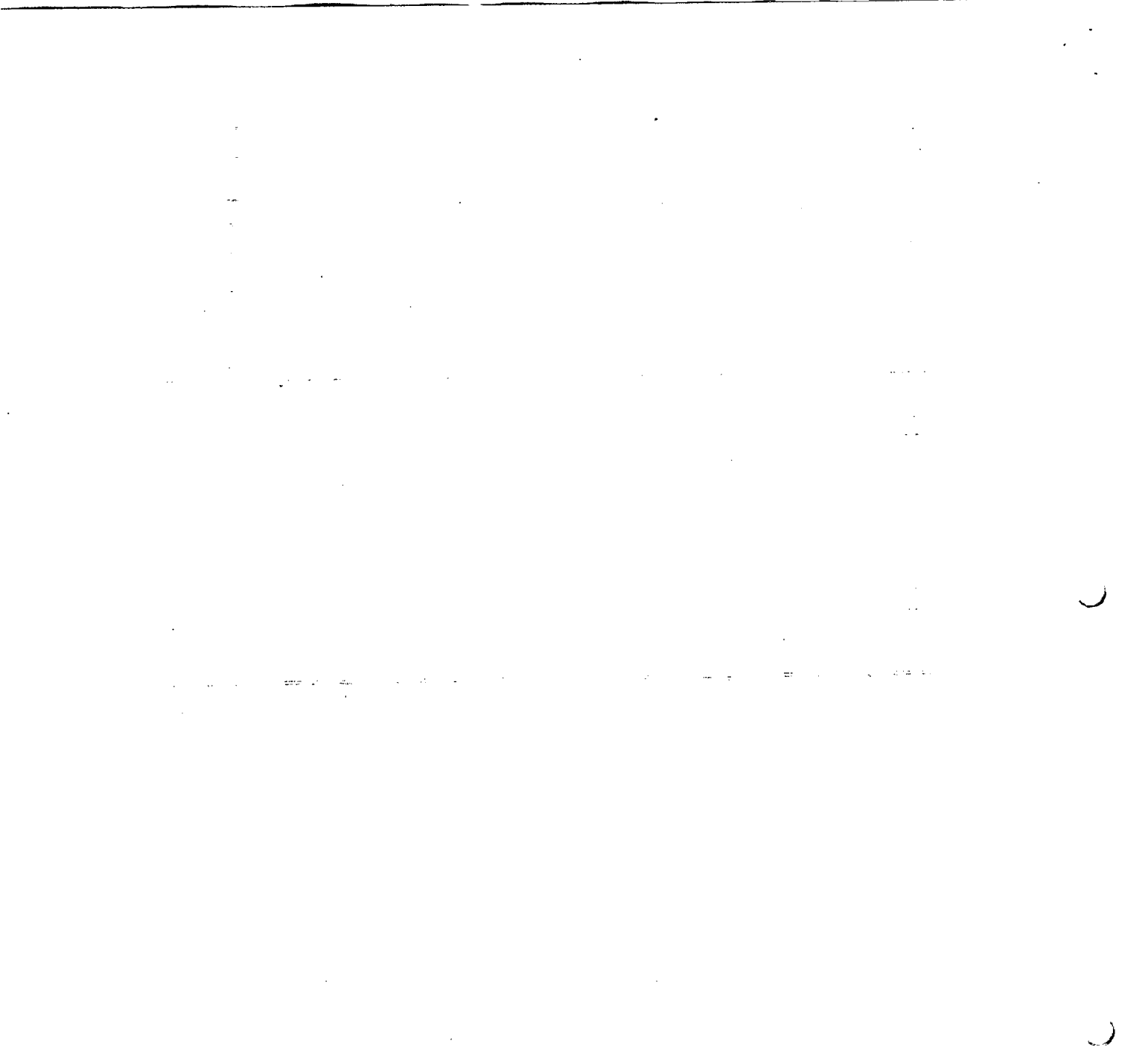
		<p>quốc, làm thư ký tạp chí Tiên phong của Hội. Sau đó ông công tác trong Hội văn nghệ Việt Nam, làm thư ký tòa soạn tạp chí Văn nghệ ở Việt Bắc.</p> <p>Xuân Diệu tham gia ban chấp hành, nhiều năm là ủy viên thường vụ Hội Nhà văn Việt Nam.</p> <p>Từ đó, Xuân Diệu trở thành một trong những nhà thơ hàng đầu ca ngợi cách mạng, một "dòng thơ công dân". Bút pháp của ông chuyển biến phong phú về giọng vẻ: có giọng trầm hùng, tráng ca, có giọng chính luận, giọng thơ tự sự trữ tình. Tiêu biểu là: Ngọn quốc kỳ (1945), Một khối hồng (1964), Thanh ca(1982), Tuyển tập Xuân Diệu (1983).</p> <p>Là cây đại thụ của nền thi ca hiện đại Việt Nam, Xuân Diệu đã để lại khoảng 450 bài thơ (một số lớn nằm trong di cảo chưa công bố), một số truyện ngắn, và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học.</p> <p>Xuân Diệu từng là đại biểu Quốc hội Việt Nam khóa I. Ông còn được bầu là Viện sĩ thông tấn Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức năm 1983.</p> <p>Ông đã được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt I về văn học nghệ thuật (1996).</p>	
3	<p>Lê Đức Thọ</p>	<p>Lê Đức Thọ (10 tháng 10 năm 1911 – 13 tháng 10 năm 1990) là chính khách Việt Nam, giữ chức Trưởng Ban Tổ chức Trung Ương, phụ trách nhân sự của Đảng Cộng sản Việt Nam suốt một thời kỳ dài 1956-1982. Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, ông Thọ từng được trao tặng giải Nobel Hòa bình cùng Henry Kissinger vào năm 1973 nhưng ông đã từ chối với lý do hòa bình chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam. Đó là giải Nobel duy nhất dành cho người Việt cho đến nay.</p> <p>Lê Đức Thọ tên thật là Phan Đình Khải, sinh tại thôn Dịch Lễ, xã Nam Vân, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định nay là xã Nam Vân (TP Nam Định). Năm 1944 ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.</p> <p>Từ tháng 12 năm 1986, ông là Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.</p> <p>Ông được tặng giải Nobel năm 1973 cùng với Henry Kissinger vì thương thảo thành công Hiệp định Paris chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam, nhưng ông từ chối nhận giải với lý do hòa bình vẫn chưa thực sự lập lại trên đất nước Việt Nam. Tên ông được đặt cho nhiều tuyến đường phố tại các Tỉnh, thành ở Việt Nam trong đó có thủ đô Hà Nội.</p> <p>"Ông là nhà ngoại giao không lồ. Ông không lồ ở chỗ đối phương đối thoại với Lê Đức Thọ là Kissinger, một học giả rất lớn của Mỹ thời đó. Lúc đó, Kissinger rất ngạo mạn, những tướng có thể đè bẹp Lê Đức Thọ nhưng không thể được. Ví như làm thế nào để thống nhất được với Mỹ về vấn đề Mỹ phải rút quân. Mỹ muốn nếu Mỹ rút quân thì miền Bắc cũng phải rút quân khỏi miền Nam, đánh đồng như thế không thể được. Cuối cùng đồng chí Lê Đức Thọ đưa ra một công thức đó là vấn đề quân đội Việt Nam ở lãnh thổ Việt Nam do các bên Việt Nam giải quyết với nhau. Còn việc Mỹ rút quân là chuyện Mỹ phải rút.</p>	
4	<p>Phạm Ngọc Thạch</p>	<p>Phạm Ngọc Thạch (1909-1968) là một Nhà khoa học y khoa Việt Nam, Giáo sư tiến sĩ khoa học, nguyên Bộ trưởng Bộ Y tế trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ông được Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 1997 vì các công hiến trong lĩnh vực khoa học.</p> <p>Phạm Ngọc Thạch sinh ngày 7 tháng 5 năm 1909 tại Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Cha ông là nhà giáo Phạm Ngọc Thọ, mẹ thuộc dòng hoàng tộc Huế. Ông mồ côi mẹ khi mới lên 2, không bao lâu cha ông cũng qua đời. Chị ông là bà Phạm Thị Ngọc Diệp lấy chồng là dược sĩ giàu có, vì thế bà có điều kiện nuôi nấng, giúp đỡ em trai học lên bác sĩ. Vốn tính thông minh, học giỏi, khi tốt nghiệp tú tài, ông thi vào theo học tại Đại học Y Hà Nội từ năm 1928, tốt nghiệp bác sĩ ở Paris năm 1934.</p> <p>Tại Pháp, ông được thăng chức Giám đốc Bệnh viện Lao vùng núi phía đông nước Pháp, đồng thời là bác sĩ chuyên khoa tại</p>	



		<p>Viện Điều dưỡng Haute Ville.</p> <p>Cách mạng tháng Tám thành công, ông được phân công là Bộ trưởng Y tế đầu tiên của Chính phủ Lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Ủy viên Ủy ban Nhân dân Nam Bộ, rồi lần lượt Thứ trưởng Phủ Chủ tịch, Trưởng phái đoàn Chính phủ tại Nam Bộ (1948-1950), Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chính Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Trưởng ban Y tế của Đảng Lao Động Việt Nam, Thứ trưởng Y tế (1954-1958), từ 1958 là Bộ trưởng Y tế.</p>
5	Đoàn Khuê	<p>Đại tướng Đoàn Khuê (1923–1999), bí danh Võ Tiên Trinh; là Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1991 đến năm 1997.</p> <p>Đoàn Khuê sinh ngày 29 tháng 10 năm 1923; Mất ngày 16 tháng 1 năm 1998; Quê quán: Thôn Gia Đăng, Xã Triệu Tân, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị (nay là Xã Triệu Lăng, Huyện Triệu Phong, Tỉnh Quảng Trị). Trú quán: Số nhà 30 Lý Nam Đế, Phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.</p> <p>Thời kỳ 1987-1991 ông là Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, sau đó làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Ông là ủy viên Trung ương Đảng từ khóa IV đến khóa VII, ủy viên Bộ Chính trị các khóa VI, VII (1991 đến lúc mất), đại biểu Quốc hội các khóa VII, VIII, IX.</p> <p>Ông đã được Nhà nước Việt Nam tặng thưởng: Huân chương Sao vàng (truy tặng năm 2007), Huân chương Hồ Chí Minh, 2 Huân chương Quân công hạng nhất, 2 Huân chương Chiến công hạng nhất, Huân chương Chiến thắng hạng nhất, Huân chương Kháng chiến hạng nhất và nhiều huân, huy chương khác.</p>
6	Nguyễn Khoái	<p>Trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ hai, Nguyễn Khoái được cử đem đội quân Thánh Dực bảo vệ Thượng hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông, đồng thời sẵn sàng thực hiện mệnh lệnh chiến đấu. Nguyễn Khoái đã hoàn thành một cách xuất sắc. Bấy giờ, đạo quân của Toa Đô sau khi đánh Chiêm Thành (1282) liền tiến ra Bắc phối hợp với cánh quân phía Bắc thành một gọng kìm nhằm đè bẹp quân và dân nhà Trần. Toa Đô hùng hổ tiến vào châu thổ sông Hồng. Triều đình đã lệnh cho các tướng như Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái đón đánh giặc ở Hàm Tử làm cho giặc thua đau, sau đó là trận Tây Kết, Toa Đô càng bị tiêu hao lực lượng. Thắng lợi của hai trận chiến trên đã mở đầu cho các chiến thắng liên tiếp để đánh bại cuộc xâm lược của quân Nguyên lần thứ hai.</p> <p>Trong cuộc chiến tranh chống quân Nguyên lần thứ ba (1288), tướng Nguyễn Khoái lại tiếp tục lập được chiến công vẻ vang, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cả dân tộc. Bấy giờ, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn quyết định trận đánh quyết chiến quyết lược ở sông Bạch Đằng. Đây là trận thủy chiến có quy mô lớn kết hợp mai phục và bao vây. Đội quân Thánh Dực của Nguyễn Khoái có nhiệm vụ chủ động tấn công chia cắt đội hình giặc làm cho chúng lúng túng tràn vào ổ mai phục của ta và Nguyễn Khoái đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này.</p>
7	Nguyễn Cao	<p>Nguyễn Cao (1837 - 1887), tên đầy đủ là Nguyễn Thế Cao, hiệu là Trác Hiên; là một danh tướng nhà Nguyễn và là một nhà thơ Việt Nam ở thế kỷ 19. Sinh ra trong một gia đình có truyền thống yêu nước, khoa bảng tại làng Cách Bi, huyện Qué Dương, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Qué Võ, Bắc Ninh).</p> <p>Năm 1873, quân Pháp đánh chiếm thành Hà Nội lần thứ nhất, khi ấy ông mới ra làm quan và được giữ chức Tán lý quân vụ</p>



		<p> tỉnh Bắc Ninh (cho nên người đời còn gọi ông là Tán Cao). Ngay sau đó, ông cùng với Ngô Quang Huy, Phạm Thân Duật, Trương Quang Đản dẫn quân bao vây tỉnh thành Hà Nội, đánh bật đồn bốt của đối phương tại Gia Lâm ngày 4 tháng 12 năm 1873, rồi kéo quân về Siêu Loại đánh dẹp luôn quân phi, giữ yên cho dân chúng. Ngày 27 tháng 3 năm 1883 ông đem quân đánh vào phố hàng Đậu, Cửa Đông (Hà Nội), sau đó rút quân về phía bắc sông Hồng. Ngày 15 tháng 5 năm ấy, Nguyễn Cao chỉ huy nghĩa quân đánh một trận lớn tại Gia Lâm. Trận này ông bị thương nặng, nhưng vẫn cố sức chiến đấu. Sau đó, ông còn đánh với Pháp nhiều trận khác nữa, như ở: Phả Lại, Yên Dũng, Quế Dương, Võ Giàng, Từ Sơn, Thuận Thành... Năm 1884, khi thành Bắc Ninh mất vào tay quân Pháp, Nguyễn Cao rút quân về thành Tinh Đạo, rồi cùng với Nguyễn Thiện Thuật, Ngô Quang Huy lãnh đạo phong trào Tam tỉnh Nghĩa Đoàn hoạt động trên các địa bàn Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Tây. Ngày 27 tháng 3 năm 1887, tại một trận đánh ở làng Kim Giang (Hà Tây) ông bị quân Pháp bắt. Đối phương dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc, nhưng đều bị Nguyễn Cao cự tuyệt. Để giữ tròn khí tiết, ông đã tự rạch bụng, moi ruột, hỏi đối phương: Ruột gan tao đây, bay xem có khúc nào phản thì bảo. Biết không thể dụ hàng được, ngày 14 tháng 4 năm Đinh Hợi (1887), quân Pháp đã đem Nguyễn Cao ra chém đầu tại vườn Dừa (gần Hồ Gươm, Hà Nội), lúc ấy ông mới 50 tuổi. </p>
8	<p> Khuất Duy Tiến </p>	<p> Khuất Duy Tiến (1909 – 11 tháng 2 năm 1984), nhà hoạt động cách mạng, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại biểu Quốc hội khóa I, nguyên Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Phó Chủ tịch Ủy ban Hành chính Thành phố Hà Nội những ngày đầu Cách mạng Tháng Tám và trong thời kỳ Kháng chiến chống Pháp. Ông quê ở thôn Thuần Mỹ, xã Trạch Mĩ Lộc, huyện Tùng Thiện, phủ Quảng Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội). Tháng 3-1930, ông là Tỉnh ủy viên Tỉnh ủy Nam Định, tháng 11 năm đó là Ủy viên thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1930, ông gia nhập và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương. Ông làm Bí thư Tỉnh ủy Nam Định kiêm Thái Bình. Tháng 8 năm 1947 ông làm Cục trưởng Cục Ngoại thương (Bộ Kinh tế), Năm 1948 ông chuyển sang làm Đồng lý sự vụ Bộ Nội vụ một thời gian, sau đó làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính Kháng chiến Khu Đặc biệt Hà Nội (sau khi Hà Nội sáp nhập với Hà đông và là một khu thuộc Liên khu III), cơ quan đóng tại khu vực Chợ Cháy, Xuân Tình, Trầm Lộng trên trục đường Công Thần đi Ứng Hòa; Phó Bí thư Thành ủy Hà nội kiêm Trưởng ban Tuyên huấn. Năm 1949 ông là Ủy viên thường vụ Đặc khu ủy Hà nội. Năm 1952 ông giữ chức Ủy viên Ủy ban Kháng chiến Hành chính Liên khu IV. Năm 1954 khi chính quyền cách mạng tiếp quản Hà nội, ông được cử làm Ủy viên Ủy ban Hành chính Thành phố. Chủ tịch Ủy ban là bác sĩ Trần Duy Hưng, Phó chủ tịch là ông Trần Danh Tuyên. Năm 1955 - 1956 ông là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hà Nội. </p>



9

**Hoàng
Quốc
Việt**

Hoàng Quốc Việt (1905-1992) là nhà cách mạng, chính trị gia, nguyên Bí thư Tổng bộ Việt Minh, Chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ.

Ông tên thật là Hạ Bá Cang, sinh ngày 28 tháng 5 năm 1905, tại Đáp Cầu, huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh (ngày nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh).

Ông tham gia các phong trào cách mạng từ năm 1925, cùng hoạt động với Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự. Năm 1925, học năm thứ ba Trường Kỹ nghệ Thực hành ở Hải Phòng, tham gia phong trào bãi khóa và biểu tình phản đối chính quyền thực dân kết án tử hình nhà yêu nước Phan Bội Châu. Bị đuổi học, Hoàng Quốc Việt lên mỏ Phấn Mễ (Thái Nguyên) làm thợ nguội rồi về làm ở mỏ Mạo Khê (Quảng Yên) và Nhà máy cơ khí Carông (Hải Phòng). Năm 1928, tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1929, ông bị đuổi ra khỏi nhà máy, sau đó được tổ chức cử vào Nam Kỳ hoạt động cách mạng bí mật.

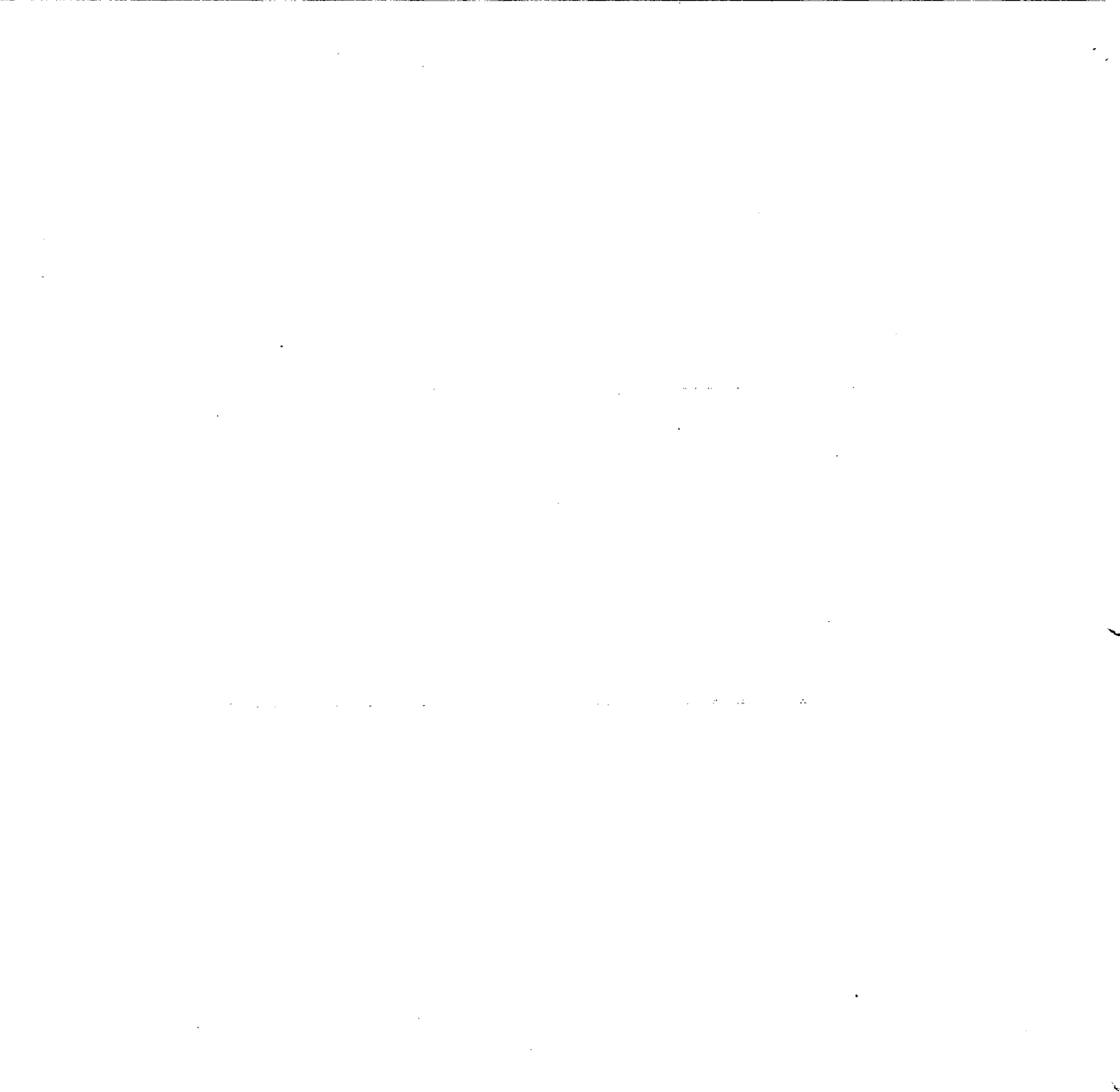
Năm 1930 ông vào Nam Kỳ và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông từng bị Pháp bắt và xử tù chung thân cùng với Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng... nhưng đến năm 1936 thì được trả tự do.

Ông trở về hoạt động cách mạng ở Hà Nội, cùng một số đồng chí của mình khôi phục tổ chức Đảng và các tổ chức cách mạng ở Bắc Kỳ, phát động đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ.

Năm 1937, ông được cử làm Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1938, do bị chính quyền trục xuất khỏi Hà Nội, Hoàng Quốc Việt về hoạt động ở Bắc Ninh, Bắc Giang. Năm 1941, ông tham dự Hội nghị VIII Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương và được bầu làm Ủy viên Thường vụ Trung ương. Ông tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng Tám, sau đó được cử vào Nam công tác.

Năm 1960, ông được bầu làm Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, tham gia Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội trưởng Hội Hữu nghị Việt - Trung. Tháng 12 năm 1976, trong Đại hội IV Đảng Cộng sản Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương. Ông tiếp tục giữ nhiều chức vụ: Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1977), Chủ tịch danh dự Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (1983), Đại biểu Quốc hội từ khóa V-VIII.

Ông mất ngày 25 tháng 12 năm 1992, an táng tại nghĩa trang Mai Dịch, thành phố Hà Nội.



UỶ BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1544 /UBND - VH TT

Bỉm Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2016

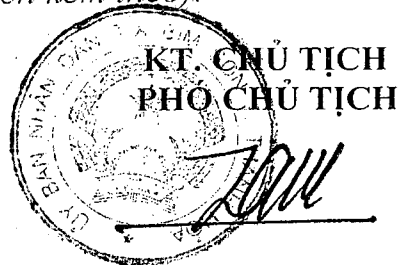
V/v đưa tên vào danh mục ngân hàng
đặt tên đường, phố và công trình
công cộng tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa.

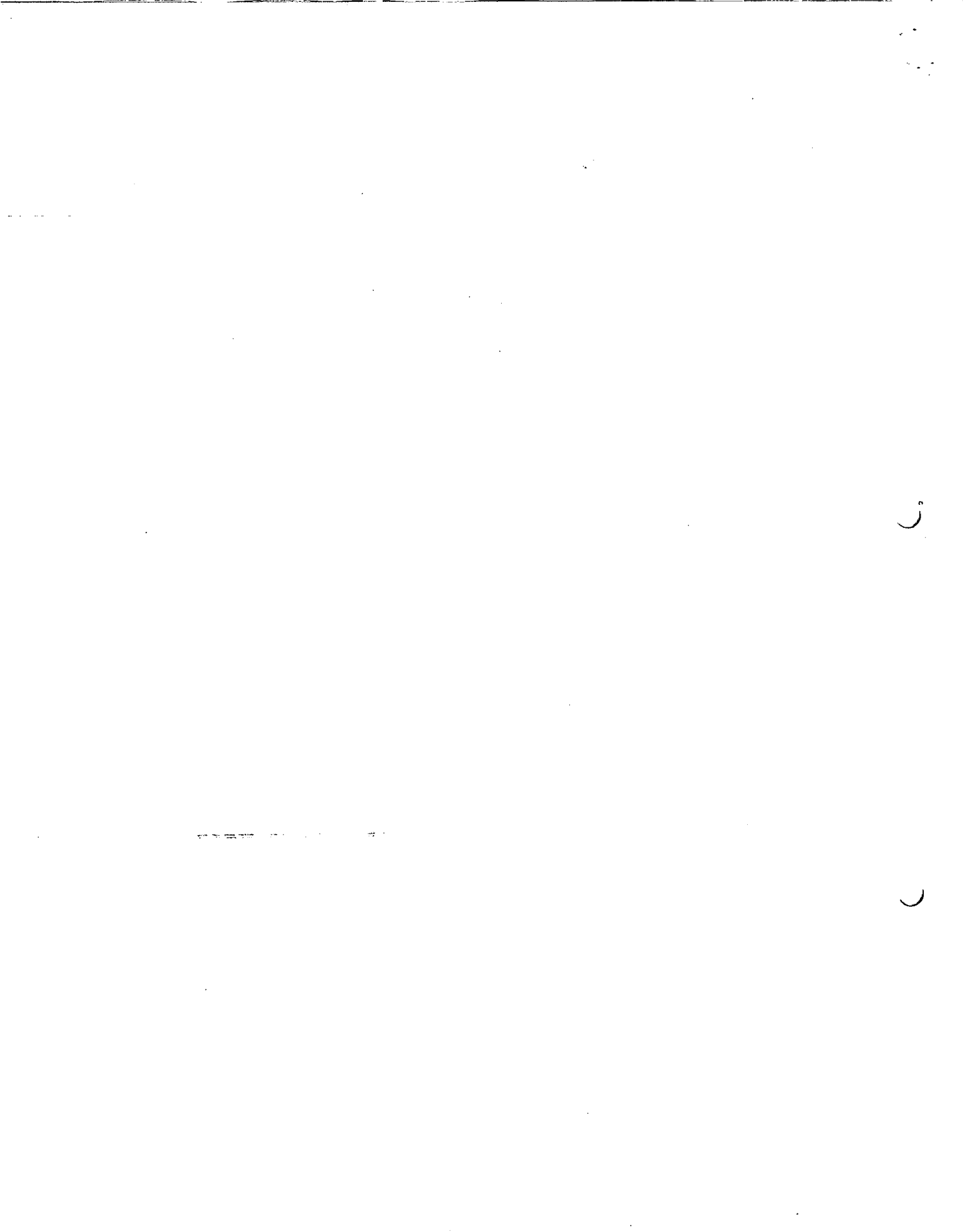
Thực hiện kế hoạch số 101/KH - HĐTV ngày 04 tháng 7 năm 2016 về việc lập ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; UBND thị xã Bỉm Sơn đã tiến hành triển khai rà soát, thống kê, lựa chọn lập ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng, báo cáo với Sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch Thanh Hóa tập hợp trình hội đồng tư vấn đặt, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Thanh Hóa xem xét, thống nhất đưa tên vào danh mục ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (có biên bản và danh sách kèm theo).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, VH TT.



Mai Đình Lâm



Bìm Sơn, ngày 15 tháng 7 năm 2016

BIÊN BẢN HỌP

**Về việc thống nhất tên đề nghị đưa vào danh mục ngân hàng
đặt tên đường, phố và công trình công cộng Tỉnh Thanh Hóa.**

Hôm nay, ngày 15 tháng 7 năm 2016, tại phòng họp UBND thị xã Bìm Sơn. UBND thị xã Bìm Sơn tổ chức cuộc họp thống nhất tên đề nghị đưa vào danh mục ngân hàng đặt tên đường phố tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian: 7h30', ngày 15 tháng 7 năm 2016

Địa điểm: Phòng họp UBND thị xã Bìm Sơn

Chủ trì cuộc họp: Ông Mai Đình Lâm, Phó Chủ tịch UBND Thị xã.

Thư ký cuộc họp: Bà: Trần Thị Hiền, Trưởng phòng Văn hóa - TT Thị xã.

Các thành viên mời tham gia dự họp gồm các ông, bà sau:

1. Ông Đặng Văn Công, Phó Chủ tịch HĐND Thị xã;
2. Ông Phạm Văn Thương, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Thị xã;
3. Ông Lê Văn Tuấn, Trưởng ban Tuyên giáo Thị Ủy Bìm Sơn;

Sau khi nghe bà Trần Thị Hiền, trưởng phòng Văn hóa - TT Thị xã thông qua kế hoạch lập ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và danh sách tên dự kiến đề nghị đưa vào danh mục ngân hàng đặt tên đường phố tỉnh Thanh Hóa. Hội nghị đã thảo luận, phân tích những cứ liệu lịch sử, lựa chọn những tên có công trạng gắn với thị xã Bìm Sơn.

Hội nghị đã thống nhất lấy danh sách tên đề nghị đưa vào danh mục ngân hàng đặt tên đường phố tỉnh Thanh Hóa (Có danh sách kèm theo)

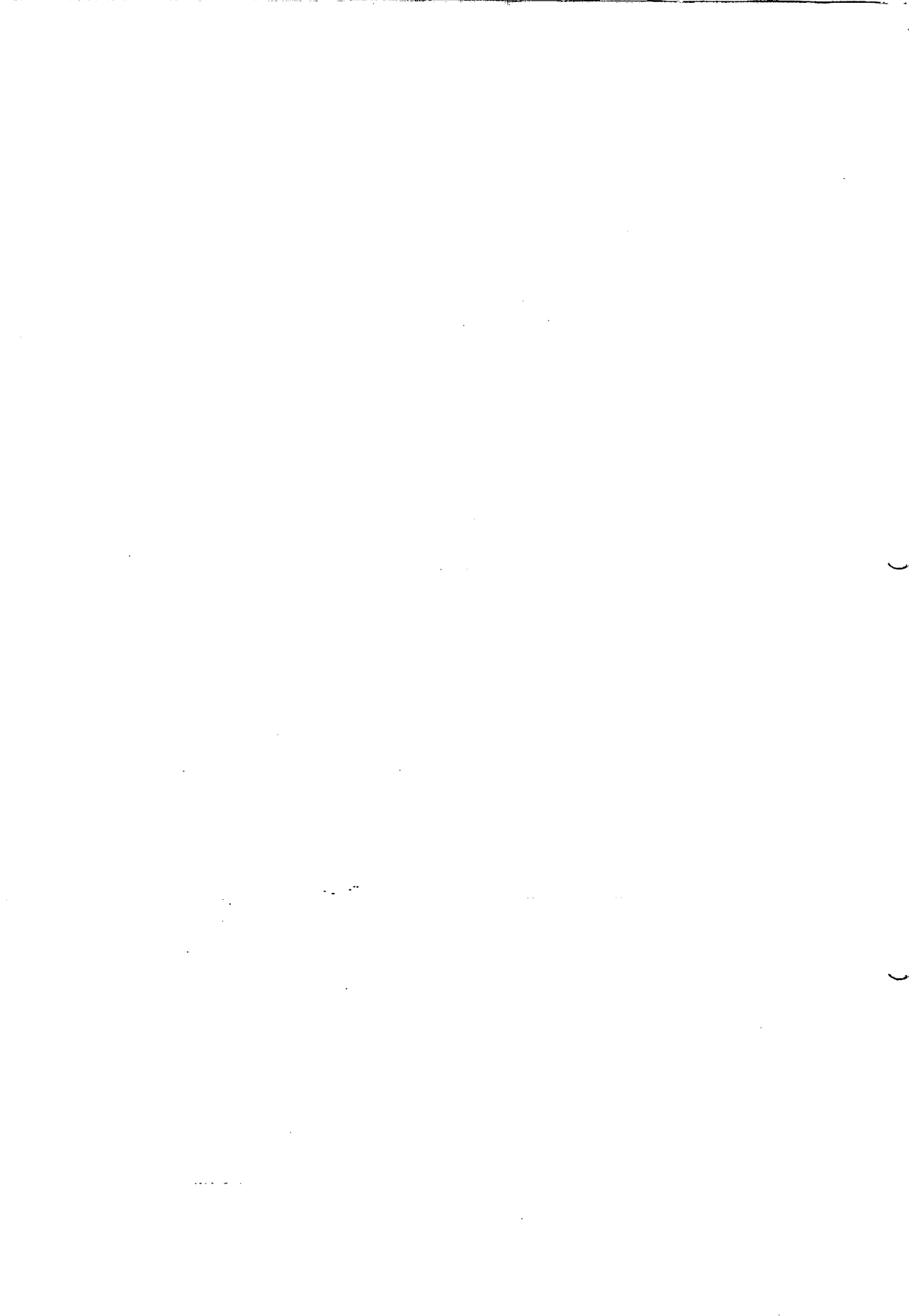
THƯ KÝ



Trần Thị Hiền

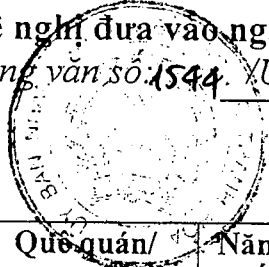


PHÓ CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ
Mai Đình Lâm



DANH MỤC

Tên đề nghị đưa vào ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng Tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Công văn số 1544/UBND-VHTT ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)



STT	Tên đề nghị	Quốc quán/ Địa điểm	Năm sinh - mất/ năm xảy ra sự kiện	Tóm tắt lịch sử	Ghi chú
I	Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu				
a	Những địa danh lịch sử, cách mạng kháng chiến.				
1	Cảm La	Nơi thờ tướng quân Đặng Quang	Năm 1410	Là địa danh Ngòi Đặng Quang luyện tập, chiêu mộ binh sỹ đánh thắng quân Minh trận Bô cô (Nam Định)	
b	Những địa danh dân gian				
1	Cảm Tân	Tên làng cổ xưa	Thế kỷ 14		
2	Phú Dương	Tên làng cổ xưa	Thế kỷ 14		
II	Tên danh nhân xuất sắc; nhân vật lịch sử, anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ VNAH				
1	Tô Hiến Thành	làng Hạ Mỗ, huyện Ô Diên, nay là thôn Hạ Mỗ, xã Hồng Thái, huyện Đan Phượng, Hà tây (Hà nội)	Mất năm 1179	Tô Hiến Thành đỗ tiến sĩ đời Lý, phò tá ba đời vua nhà Lý: Lý Thần Tông (1128 – 1138), Lý Anh Tông (1138 – 1175), Lý Cao Tông (1176 -1210). Tô Hiến Thành văn võ song toàn, làm quan đến chức Đại Liêu phủ tá. Tháng 11 năm Tân Ty (1161) Vua Lý Anh Tông giao cho Thái úy Tô Hiến Thành chức Đô tướng cùng Đỗ An Di làm phó tướng đem hai vạn quân đi tuần du phòng bị vùng biên giới Tây Nam, vùng ven biển nước ta và tuyên cáo cho dân các miền biên, trấn thấy rõ ân đức của triều đình. Được nhà Vua thân tiễn đến tận cửa biển Thần Đầu (Cửa Thần Phù). Tô Hiến Thành giao cánh quân bộ của Đỗ An Di đến vùng Thanh Đón, điền Đoái, Điền Đông (Hà Lan) lập hành cung và truyền cho dân chúng nghênh đón xa giá vua Lý Anh Tông. Thời gian lưu lại vùng Làng Đoái, Làng Đông, nay là xã Hà Lan (Bim Sơn) tuy	

				<p>không dài nhưng Tô Hiến Thành lệnh cho chức dịch của làng miễn thuế 3 năm cho dân sở tại, lại cho thầy thuốc giỏi là Tống Quốc Sư chữa bệnh dịch tả đang hoành hành trong vùng, Ngài khuyến dụ dân khai hoang lập ấp, cho quân tiêu trừ giặc biển quấy nhiễu. Ngài còn cấp tiền cho dân chài nghèo khó đóng thuyền, mua lưới làm phương tiện chài lưới sinh sống</p> <p>Vì già yếu bệnh tật, Tô Hiến Thành mất vào một ngày tháng 6 năm Kỷ Hợi (1179). Để ghi nhớ ân đức của Ngài, nhân dân Làng Đông, Làng Đoài (Hà Lan) lập đền thờ và tôn vinh Thái úy Tô Đại liêu Tô Hiến Thành và Tống Quốc Sư làm Thành hoàng của làng.</p>	
2	Tống Phước Trị	Huyện Tống Sơn. Nay thuộc xã Quang Trung – Bim Sơn.	- Sống ở thế kỷ XVI.	- Ông là người huyện Tống Sơn, làm chức trấn phủ Thuận Hóa, ông được nhân dân yêu mến. Đầu đời Gia Long(1802 – 1819) ông được liệt vào bậc thứ nhì “ Khai quốc công thân”. Khi ông mất đền thờ ông được dựng lên ở phường Giang Hiếu, Triệu Phong, Quảng Trị. Còn ngôi đền ở quê hương ông nằm ở sườn núi Trạch Lâm , Quang Trung, Bim Sơn đã bị đổ nát từ những năm 60 của thế kỷ trước.	
3	Nguyễn Thị Ngọc Tú		(? - 1631)	- Bà là con gái thứ 3 của đoàn quốc công Nguyễn Hoàng, chính phi của thanh đô vương Trịnh Tráng, bà là người có công xây dựng chùa Khánh Quang- xã Quang Trung ngày nay.	
4	Đặng Quang	- Là người huyện Chi La Hóa Châu – nay là Huyện Đức Thọ - Hà Tĩnh.		-Ông là bậc công thân có nhiều đóng góp cho lịch sử dân tộc, là người có công với triều đình chiêu binh đãi sĩ ở Cẩm La tham chiến tại trận Bồ Cô (nay là xã Hiếu Cổ, Huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định) và người có công khai phá ra làng Cẩm La (Quang Trung ngày nay).	
5	Từ Thúc	- Là người ở Hóa Châu, thuộc làng Cẩm La, huyện Tống Sơn. Nay là xã Quang Trung, TX Bim Sơn.		Ông làm Tri huyện ở Tiên Du, Bắc Ninh. Năm Quang Thái thứ XIX đời nhà Trần 1396, Từ Thúc đi chơi hội mầu đơn gặp cô gái đang bị nhà chùa bắt giữ vì đã vô ý làm gãy cành hoa mầu đơn. Từ Thúc đã cởi áo gấm chuộc lỗi cho nàng. Ông là vị quan thanh liêm, được nhân dân khen ngợi là người hiền đức.	



Bim Sơn, ngày tháng 7 năm 2016

DANH MỤC

Tên đường phố đã đặt trên địa bàn thị xã Bim Sơn

(Kèm theo Công văn số: ~~1544~~ /UBND-VHTT ngày ~~25~~ tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)

STT	Tên đường phố	Quê quán/ Địa điểm	Năm sinh - mất/ năm xây ra sự kiện	Tóm tắt lịch sử	Ghi chú
I	Tên địa danh nổi tiếng, có ý nghĩa và có giá trị tiêu biểu				
a	Địa danh dân gian				
1	Đoàn kết				
II	Tên danh nhân xuất sắc; nhân vật lịch sử.				
1	Mai Hắc Đế		(? - 722	Tức Mai Thúc Loan, ông tập hợp những người dân phải đi phu cho chính quyền đô hộ nhà Đường, khởi nghĩa giải phóng thành Tống Bình, lên ngôi vua, xưng là Mai Hắc Đế, đóng đô ở thành Vạn An trên núi Vệ Sơn. Năm 722, quân nhà Đường sang đàn áp, ông thế yếu phải lui về Rú Đụn (Nam Đàn) rồi mất tại đó	
2	Đình Tiên Hoàng		899 - 944	Theo Dương Đình Nghệ khởi nghĩa đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán (931). Cuối năm 938, Ngô Quyền đã dựng trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng, lợi dụng thủy triều, đưa chiến thuyền của địch vào bẫy và bị vỡ nát. Thắng giặc ngoại xâm ông lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở nước ta	
3	Hai Bà Trưng		14 - 43	Tức Trưng Trắc và Trưng Nhị, hai nữ anh hùng dân tộc, là hai chị em sinh đôi con Lạc tướng Mê Linh. Hai Bà dựng cờ khởi nghĩa ở Hát Môn mùa xuân năm 40, đánh thủ phủ Luy Lâu của quân Hán thống trị, thu lại 65 thành. Trưng Trắc lên làm vua, lập đô ở Mê Linh (nay là xã Mê Linh, huyện Mê Linh, Hà Nội). Năm 42. Mã Viện đem quân sang đàn áp, Hai Bà chống lại không nổi, đã anh dũng tử tiết ở Cẩm Khê vào mùa xuân năm 43	

4	Bà Triệu		Năm sinh 226 - năm mất 248	Hay Triệu Âu, tên thật là Triệu Thị Trinh, sinh năm 226. Năm 247 cùng anh là Triệu Quốc Đạt khởi nghĩa chống quân thống trị nhà Ngô, sau bị Lục Dận đem quân sang bao vây. Thế cùng lực tận, bà tuấn tiết trên ngọn Tùng Sơn (Hậu Lộc - Thanh Hoá) vào năm 248. Nay ở đó còn lăng mộ và đền thờ bà	
5	Lý Nam Đế		503 - 548	Ông khởi nghĩa năm 542, đánh đuổi quân thống trị nhà Lương, lên ngôi vua năm 544, xưng là Nam Việt Đế, đặt quốc hiệu Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên. Năm sau, quân Lương sang đánh, ông chống không lại, lánh vào động Khuất Liêu (Tam Nông) rồi mất	
6	Lê Đại Hành		941 - 1005	Tức Lê Hoàn, một tướng giỏi, được triều Đinh phong chức Thập đạo Tướng quân. Quân Tống sang xâm lược, thái Hậu họ Dương và triều đình tôn ông lên làm vua để đánh giặc. Sử sách gọi là Đại Hành hoàng đế (980 - 1005), chỉ huy quân dân đánh giặc Tống, lập công lớn ở Chi Lăng và Bạch Đằng (981), buộc nhà Tống phải công nhận chủ quyền nước ta: nước Đại Cồ Việt với kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình)	
7	Ngô Quyền		899 - 944	Theo Dương Đình Nghệ khởi nghĩa đánh thành Đại La, đuổi quân Nam Hán (931). Cuối năm 938, Ngô Quyền đã dựng trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng, lợi dụng thủy triều, đưa chiến thuyền của địch vào bẫy và bị vỡ nát. Thắng giặc ngoại xâm ông lên làm vua, đóng đô ở Cổ Loa, lập ra nhà nước phong kiến tập quyền đầu tiên ở nước ta	
8	Lý Thái Tổ		974 - 1028	Tức Lý Công Uẩn. Ông làm Điện tiền Chỉ huy sứ đời vua Lê Ngọa Triều. Năm 1009, vua mất, triều đình tôn ông lên làm vua, hiệu là Thái Tổ, mở đầu triều Lý. Năm 1010 dời đô từ Hoa Lư ra thành Đại La, gặp điềm rồng vàng đốn, nên đổi tên là thành Thăng Long. Ông là người có công định đô, xây dựng, mở mang kinh thành, đặt nền móng cho Thăng Long, Thủ đô ngàn đời của đất nước	
9	Lý Thường Kiệt		1019 - 1105	Là người nổi tiếng tài giỏi. Khi giặc Tống có mưu đồ xâm lược, ông đề xuất chủ động đánh trước, tiêu diệt căn cứ xuất phát của địch ở ba châu: Ung, Khâm, Liêm (1075) giành thắng lợi lớn rồi rút quân về xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu) chặn giặc, đánh tan quân Tống (1077). Tương truyền ông là tác giả bài Nam Quốc Sơn Hà, được coi như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta	
10	Trần Thái Tông		1218-1277	Trần Thái Tông, quê huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; tên là Trần Cảnh, vị vua đầu tiên của nhà Trần. Ông trực tiếp chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông lần thứ nhất thắng lợi; nhường ngôi cho con để tập trung nghiên cứu giáo lý nhà Phật và soạn tập Khóa hư lục	
11	Trần Khánh Dư		? - 1339	Được vua Trần Thái Tông nhận làm con nuôi. Quân Nguyên - Mông sang xâm lược, ông được dự Hội nghị Bình Than (1282) và được phong Phó đô Tướng quân. Ông lập chiến công lớn ở Vân Đồn, đánh tan hơn trăm chiến thuyền chở lương của giặc	
12	Trần Hưng Đạo		1231-1300	Danh tướng, anh hùng dân tộc, tham gia ba cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông (thế kỷ XIII), hai lần làm Quốc công tiết chế, tổng chỉ huy quân đội, lập nên các chiến công lừng lẫy, nổi tiếng nhất là trận Bạch Đằng oanh liệt (9-4-1288). Tác giả Hịch tướng sĩ, các tác phẩm quân sự giá trị: Binh thư yếu lược, Vạn kiếp tông bí truyền thư	

13	Trần Khát Chân		1370 - 1399	Tướng nhà Trần. Ông lập chiến công, đánh thắng thủy quân của Chế Bồng Nga xâm phạm bờ cõi nước ta ở cửa sông Luộc năm 1390; được phong Thượng tướng quân, tước Vũ Tiết Quan nội hầu và ban cho thái ấp ở vùng Hoàng Mai. Sau vụ mưu sát Hồ Quý Ly tại hội thề Đồn Sơn không thành, ông bị giết
14	Trần Nguyên Hãn		(? -1429	Dòng dõi nhà Trần, Trần Nguyên Hãn vào Lam Sơn, Thanh Hóa theo Lê Lợi khởi nghĩa chống quân Minh, tham gia đánh thắng trận Xương Giang, bắt sống tướng giặc Hoàng Phúc, Thôi Tụ. Bình công được phong Tả tướng quốc (1428). Sau bị vua Lê nghi ngờ, ông nhảy xuống sông tự vẫn. 26 năm sau mới được Lê Nhân Tông minh oan
15	Nguyễn Thái Học		1904 -1930	Thủ lĩnh Việt Nam Quốc dân đảng thành lập năm 1927. Sau vụ Đảng này ám sát tên thực dân Badianh (Bazin) ở phố Huế, Pháp đàn áp, Đảng tan vỡ. Tháng 2-1930 ông tổ chức khởi nghĩa Yên Bái, bị thất bại, sau sa vào tay địch. Ngày 17-6-1930, Pháp xử chém ông ở Yên Bái. Ông để lại gương sáng cho lớp thanh niên yêu nước, cách mạng Việt Nam
16	Hồ Quý Ly		1335 - ?	xây dựng cho đất nước trở nên cường thịnh, vượt khỏi tình trạng suy thoái của thời Trần mạt. Và đây là một nhà chính trị có tầm nhìn văn hoá toàn diện. Ông đặt ra các phép hạn điền, hạn nô, định lại chế độ thuế khoá, cho phát hành bạc giấy, qui định việc đo lường. Ông cũng quan tâm đến các vấn đề cứu tế xã hội, lập các sở quảng tế, các kho lúa để phòng trợ cấp lúc mất mùa. Về quân sự, ông rất lo việc đối phó với nhà Minh xâm lược, nên chăm chú việc phòng thủ, nhất là ở các cửa biển, đồng thời tăng cường quân lực để hòng đối phó với tình hình. Sợ dân chúng không phục vì xem ông là một nguy triều, ông đã cố gắng biểu dương thanh thế, phát triển sự nghiệp Nam tiến, và cũng đã chiến thắng Chiêm Thành, thu được các đất Chiêm Động và Cổ Lũng. Ông cũng tỏ ra có khả năng nắm vững quyền chuyên chính của mình. dẹp yên được một số âm mưu đảo chính như hội thề Đồn Sơn của con cháu nhà Trần. Song mặc dầu có nhiều sáng kiến cải cách, có những cố gắng chinh đốn quốc gia, có cái nhìn văn hoá sắc sảo với thời đại, ông đã không được lòng dân. Bọn xâm lược nhà Minh cho các tướng Trương Phụ, Mộc Thạch kéo sang, quân ta kháng chiến mạnh mẽ, nhưng bị thất bại. Cả hai cha con và một số triều thần bị bắt. Nhà Hồ bị diệt, và nước ta bị thuộc nhà Minh suốt mười năm trời (từ năm 1406).
17	Trần Quang Khải		1241 -1294	Con thứ hai Trần Thánh Tông; giúp vua trị nước, làm tới chức Thượng tướng, Thái sư. Trong kháng chiến chống Nguyên – Mông, ông đảm nhận việc ngoại giao, là tướng chỉ huy lập nên chiến thắng Chương Dương (1285); tác giả tập thơ Lạc đạo để cho đời, trong đó có bài Tụng giá hoàn kinh sư nổi tiếng
18	Phan Bội Châu		1867 -1940	Chỉ si yêu nước chu trương làm cách mạng dân chủ tư sản, đã từng lên thăm nghĩa quân Yên Thế tại Phồn Xương. Ông còn là nhà văn, nhà tư tưởng, để lại nhiều tác phẩm như: Hải ngoại huyết thư. Việt Nam vong quốc sử, Kỷ niệm lục, Hà thành liệt sĩ truyện, Chân tướng quân, Phan Bội Châu niên biểu

19	Hàm Nghi	1870-1943	Chinh tên là Ung Lịch, lên ngôi vua triều Nguyễn lúc 13 tuổi. Ông là vị vua yêu nước chống Pháp, có khí tiết và trọng danh dự dân tộc. Ông theo phe kháng chiến do Tôn Thất Thuyết đứng đầu, tấn công các căn cứ của Pháp ở Huế nhưng thất bại. Nhà vua rời kinh thành ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần Vương phát động toàn dân chiến đấu. Sau khi bị bắt, bị đày sang An-giê-ri thuộc Pháp, ông sống ở An-giê-ri 47 năm với nỗi đau của vị vua mất nước
20	Yết Kiêu	1242-1301	Gia tướng thân cận của Trần Hưng Đạo, sống vào thế kỷ XIII. Có tài lặn sâu, bơi lội giỏi, nhiều lần đục đấm thuyền giặc. Ông cùng với Dã Tượng thành một cặp tướng bên nhau lập nhiều chiến công trong kháng chiến chống quân Nguyên - Mông từ 1285 đến 1288
21	Lương Văn Can	1854-1927	Nhà nho yêu nước, người làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội, đỗ cử nhân không ra làm quan, là một trong nhóm sáng lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục, hoạt động được chín tháng thì bị đóng cửa. Năm 1914, Pháp viện có kết án ông 10 năm biệt xứ sang Phnôm Pênh, đến 1921 đã phải thả
22	Lê Lai	? - 1418	Năm 1416 theo Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn, tại Hội thề Lũng Nhai. Năm 1418, quân Minh bao vây chặt nghĩa quân ở vùng núi Chí Linh (Thanh Hoá), Lê Lai đã tình nguyện cải trang làm Lê Lợi, xông ra trận tiền để giặc bắt và giết đi, nhờ vậy Lê Lợi thoát nạn hiểm, tiếp tục mưu đồ nghiệp lớn. Đất nước toàn thắng Lê Lợi lên ngôi vua, truy phong ông là Thái úy "Đệ nhất công thần"
23	Nguyễn Trãi	1380 - 1442	Nhà chiến lược, nhà ngoại giao, nhà tư tưởng văn hoá lớn của dân tộc; tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, tác giả Bình Ngô Đại Cáo. Cuối đời bị vu oan, ông về ở ẩn tại Côn Sơn, rồi chịu án "Lệ Chi Viên" tru di ba họ. Sau này Lê Thánh Tông mới minh oan cho ông. Tác phẩm để lại: Du địa chí, Lam Sơn thực lục, Quân trung từ mệnh tập, Quốc âm thi tập... Năm 1980, UNESCO đã tôn vinh Nguyễn Trãi là danh nhân văn hóa thế giới
24	Lê Thánh Tông	1442 -1497	Tên thật là Tư Thành, con thứ tư của vua Lê Thái Tông với bà phi Ngô Thị Ngọc Dao, sinh ra ở điện Huy Văn, sau được đưa lên làm vua, mở ra thời Hồng Đức thịnh trị nhất trong các triều đại phong kiến Việt Nam.
25	Quang Trung	1753 -1792	Là niên hiệu của Nguyễn Huệ, lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn, nhà quân sự thiên tài, anh hùng dân tộc. Ông làm tướng đánh đông dẹp bắc, bốn lần vào Gia Định, ba lần ra Bắc Hà, đánh thắng hai vạn quân Xiêm ở Rạch Gầm (1785), lật đổ cơ đồ chúa Trịnh (1786), đại phá 29 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long (1789). Lên làm vua, ông bắt tay xây dựng đất nước với nhiều cải cách tiến bộ, tiếc rằng ông mất sớm, lúc mới 39 tuổi
26	Ngô Thị Nhậm	1746 -1803	Đỗ tiến sĩ, làm tới Hữu thị lang bộ Công thời Lê Mạt. Quang Trung ra Bắc Hà, trọng dụng và cử ông trấn giữ Thăng Long. Quân Thanh sang xâm lược, ông lui quân về Tam Điệp bảo toàn lực lượng, đợi đại quân Tây Sơn, cùng tiên đánh giải phóng kinh thành đầu mùa xuân Kỷ Dậu 1789. Triều Tây Sơn mất, ông bị nhà Nguyễn bắt, hãm hại bằng trận đòn thù ở sân Văn Miếu, về nhà ốm chết. Ông để lại nhiều tác phẩm giá trị về văn, sử, triết, ngoại giao

27	Lê Lợi		1385 - 1433	<p>Thanh Hoá, nên khi nói đến con người xứ Thanh, trước tiên là phải nhắc đến ông.</p> <p>Tuy nhiên, từ lâu, ta vẫn quen nhìn ở Lê Lợi một nhà lãnh-tụ khởi nghĩa, một vị vua sáng nghiệp. Ta ngưỡng mộ ông trong lịch sử, chứ chưa quan tâm nhiều đến bản sắc văn hoá trong con người lỗi lạc này, và do đó, ta cũng ít có điều kiện nhận ra tính cách Thanh Hoá trong ông. Vì vậy, sau đây ta sẽ chú ý đến những khía cạnh:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Con người văn hoá ở Lê Lợi: con người có nhân. 2. Nét văn hoá độc đáo: Lê Lợi, con người giữa hai huyền thoại. <p>Lâu nay, nói về Lê Lợi, ta thường chỉ chú ý về mặt lịch sử, mặt chính trị. Nói đến con người, lại chỉ nhớ đến những hạn chế như việc giết hại công thần. Thật ra, điều rất đáng trân trọng ở ông là tính cách văn hoá của một nhân vật đặc sắc.</p> <p>Ở Lê Lợi trước hết là phải thấy ở con người ông là cả một chân tình, một sự thành thực hiếm có. Ông rất thành thực với mình, thành thực với người. Ấy là một phẩm chất rất quan trọng của một nhà lãnh đạo, một người minh chủ. Lê Lợi tin vào các anh em của mình và đã có mối quan hệ ứng xử đúng đắn, thân thiện. Lê Lợi được anh em thủ hạ tin theo, sẵn sàng hy sinh vì ông. Lê Lai đổi áo để nhận lấy cái chết trong tay giặc, là bởi Lê Lai rất tin ông, tin vào lời ông yêu cầu, tin vào khả năng giải quyết khó khăn nguy hiểm, tin vào lòng chân thành của ông. Lòng tin của Lê Lai đã được chứng minh. Sự hy sinh giúp cho Lê Lợi thoát khỏi vòng vây, tiếp tục duy trì cuộc khởi nghĩa Lê Lợi đã chân thành đưa ra yêu cầu đổi áo. Và đến khi khởi nghĩa thành công, Lê Lợi cũng đã giữ vững chữ tín, thể hiện sự chân thật của mình. Bàn Lai công thệ từ là một bằng chứng đẹp đẽ, cảm động và thiêng liêng về mối tình chân thật ấy.</p> <p>Bàn về cái "chí ở thương sinh" của Lê Lợi, ta có thể thấy rõ tình thương, đến sự quan tâm tới đồng loại của ông. Nghiên cứu tổ chức khởi nghĩa Lam Sơn, còn thấy rõ hơn nữa. Gia phá nhiều dòng họ cho biết nhiều tướng lĩnh Lam Sơn đã đến với Lê Lợi, và được xem như những người thân thích. Hình như đây là một cách sống của Lê Lợi, ông đã mong muốn và thực hiện cái mong muốn cho trang trại Như Áng, và sau đó là tập hợp Lam Sơn trở thành một đại gia đình. Những người đến Lam Sơn như cũng muốn cụ thể hoá ước muốn ấy, họ đã tới và mang theo cả thân nhân tộc thuộc gia nhập hẳn vào cái tổ chức</p>	
28	Bùi Thị Xuân		(?-1802)	<p>Quê phủ Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, vợ Trần Quang Diệu, cả hai đều là tướng tài của Tây Sơn, lập nhiều võ công. Đến thời vua Quang Toản thất thế, vợ chồng bà và con cái bị nhà Nguyễn bắt và giết hại. Bà hy sinh lẫm liệt, giữ tròn tiết tháo.</p>	

29	Cao Thắng	1864-1893	<p>Quê ở làng Yên Đức, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, tham gia khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng chỉ huy năm 1885, ông hy sinh trong một trận đánh đồn Pháp ở Thanh Chương (Nghệ An). Ông được cụ Phan Đình Phùng tin cậy giao trách nhiệm chỉ huy quân sự. Nhờ có Cao Thắng, nghĩa quân trưởng thành nhanh chóng, mở rộng địa bàn, thanh thế vang dội ở 4 tỉnh miền Trung. Đặc biệt, Cao Thắng đã tìm mọi cách chế tạo được súng trường để trang bị cho nghĩa quân. Súng của Cao Thắng chế tạo làm cho các sĩ quan Pháp và kỹ sư Âu châu phải kinh ngạc, vì nó chỉ là kết quả của sự mày mò, bất chước của những người thợ rèn Nghệ Tĩnh, không có máy móc và tri thức khoa học hiện đại.</p>
30	Cù Chính Lan	1930-1952	<p>Quê xã Quỳnh Lôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; trong chiến dịch Quang Trung (1950) được nêu gương “Anh hùng tay không diệt giặc”. Chiến dịch Hòa Bình (1951), anh hùng lựu đạn diệt xe tăng địch trên đường số 6 năm 1952, anh tham gia đánh đồn Gô Tô, bị cụt hai tay và một chân vẫn anh dũng chỉ huy đến hơi thở cuối cùng. Được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.</p>
31	Đặng Dung	?-1414	<p>Quê Hóa Châu (Quảng Trị) là con Đặng Tất. Ông làm tướng cuối đời Trần, tham gia các trận Hàm Tử, Yên Mô, Chí Linh, Thái Giá năm 1413. Năm sau, ông và vua Trưng Quang bị quân Minh bắt. Trên đường giải về Yên Kinh, cả hai đã nhảy xuống sông tự tử.</p>
32	Đình Công Tráng	1842-1887	<p>Quê ở huyện Thanh Liêm, Hà Nam, một lãnh tụ của phong trào Cần Vương chống Pháp ở vùng Ninh Bình, Thanh Hóa, lập chiến khu Ba Đình. Ông tử trận trong cuộc chiến ở Đô Lương (Nghệ An).</p>
33	Hoàng Diệu	1832-1882	<p>Quê ở Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, đô Phó bảng, giữ chức Tổng đốc Hà - Ninh (Hà Nội - Ninh Bình) Pháp đánh thành Hà Nội (25-4-1882), Hoàng Diệu chỉ huy cuộc chiến đấu tới cùng. Thấy không đủ sức chiến đấu, ông thắt cổ tử tiết trên cây táo cạnh Võ Miếu. Tượng đồng của ông và Nguyễn Tri Phương được đặt tại Cửa Bắc thành Hà Nội để ghi nhớ hai ông đã hy sinh chống Pháp đánh thành.</p>
34	Hoàng Hoa Thám	1845-1913	<p>Thường gọi là De Thán, tên thật là Trương Nghĩa, quê Tiên Lưu, Hưng Yên, nhưng sinh tại Sơn Tây. Ông lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Yên Thế năm 1887, lập căn cứ ở Bắc Giang, chống Pháp dai dẳng 26 năm. Pháp không diệt nổi phải đình chiến thương lượng mấy lần, sau bị sát hại ở vùng rừng Yên Thế. Ông là một anh hùng nông dân yêu nước, có tinh thần bất khuất, kiên cường trong lịch sử cận đại. Cụ Phan Bội Châu tôn ông là Chân tướng quân (Tướng quân chân chính). Đề Thám đã trở thành thần tượng một thời trong lòng mến mộ của nhân dân.</p>
35	Hoàng Văn Thụ	1906-1944	<p>Bậc tiền bối cách mạng, dân tộc Tày, quê xã Nhân Lý, huyện Văn Yên, nay là Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. tham gia cách mạng từ năm 1927, đại biểu dự Đại hội lần thứ nhất của Đảng ở Ma Cao, Bí thư Xứ ủy Bắc Kỳ, Thường vụ Trung ương Đảng, năm 1943 ông bị Pháp bắt tại Hà Nội, kiên cường bất khuất, bị chúng kết án tử hình. Ngày 24-5-1944, chúng xử bắn ông tại trường bắn Tương Mai. Những hoạt động của Hoàng Văn Thụ rất đa dạng. Ông rất giàu kinh nghiệm đối với công tác tuyên truyền trong công nhân, binh sĩ. Ông là chủ bút nhiều tờ báo bí mật như: Tranh đấu, Lao động nhằm phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng cho đồng bào miền núi. Ông cũng sử dụng thơ ca phục vụ cho lý tưởng cách mạng của mình. Có nhiều bài Sli, lượn do Hoàng Văn Thụ sáng tác đã trở thành phổ biến và đi vào kho tàng văn nghệ dân gian dân tộc.</p>

36	Huỳnh Thúc Kháng	1875-1947	Nhà chí sĩ, nhà văn, quê huyện Thăng Bình (nay là Tiên Phước), tỉnh Quảng Nam, Đờ hoàng giáp không ra làm quan, đứng đầu phong trào Duy Tân ở Trung kỳ đầu thế kỷ XX. Phong trào chống sưu thuế nổ ra, ông bị Pháp bắt đày đi Côn Đảo 13 năm, trở về là Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ, làm báo Tiếng dân. Sau Cách mạng tháng Tám, ông làm Bộ trưởng Nội vụ, quyền Chủ tịch nước khi Bác Hồ sang Pháp, sáng lập và là Hội trưởng Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Tác giả các sách Thi tu tùng thoại, Thi tù thảo, Trung Kỳ cựu sưu ký.
37	Kim Đồng		Kim Đồng tên thật là Nông Văn Dền (1929-1943), dân tộc Nùng, quê ở bản Na Mạ, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng – gần hang Pắc Pó, đi theo cách mạng làm liên lạc cho Việt Minh những năm tiền khởi nghĩa, được kết nạp vào đội Nhi đồng cứu quốc đầu tiên. Một lần đi công tác, anh bị giặc Pháp bắn chết lúc mới 15 tuổi. Kim Đồng là tấm gương tiêu biểu cho thiếu nhi Việt Nam. Nhà nước truy tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
38	Mạc Đĩnh Chi	1272-1346	Danh thần nhà Trần, quê ở Lũng Động, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương; đỗ trạng nguyên đời Trần. Ông thông minh, tài trí từ nhỏ, làm quan thanh liêm qua ba đời vua Trần, hai lần đi sứ nhà Nguyên mà nhà vẫn thanh đạm, Nổi tiếng với bài phú Ngọc tinh liên ví mình như đóa sen trong giếng ngọc.
39	Lý Tự Trọng	1913-1931	Còn gọi là Lý Hữu Trọng, quê xã Thạch Minh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, gia đình phiêu bạt sang Thái Lan từ lâu và anh sinh ở đó. Năm 1926, Tổng hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Trung Quốc sang Thái Lan chọn anh đưa về Quảng Châu học tập và được Nguyễn Ái Quốc đặt tên là Lý Tự Trọng. Anh giúp Tổng bộ làm liên lạc với đảng bạn và cán bộ cách mạng hoạt động ở Trung Quốc cũng như tổ chức chuyển tài liệu về nước, Năm 1929, anh về Sài Gòn công tác tại cơ quan trung ương An Nam cộng sản đảng. Trong cuộc mít tinh kỷ niệm khởi nghĩa Yên Bái 09-02-1931, anh bắn chết tên mật thám Logorăng (Legrand) để bảo vệ đồng chí Phan Bội đang diễn thuyết nên bị địch vây bắt. Chúng tra tấn anh rất dã man nhưng vẫn không khuất phục được chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi, nên đã xử tử hình anh ngày 21-11-1931.
40	Ngô Sĩ Liên	Thế kỷ XV	Người làng Chúc Lý, huyện Chương Đức, nay là xã Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn. Năm 1442 thi đậu tiến sĩ, làm ở Hàn lâm viện, rồi giữ chức Đô ngự sử. Năm 1480, đời Hồng Đức, theo lệnh của Lê Thánh Tông, ông biên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư và Thực lục, trở thành nhà sử học nổi tiếng ở nước ta.
41	Ngô Văn Sở	?-1794	Danh tướng thời Tây Sơn, quê ở huyện Thiên Lộc, nay là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh; lớn lên ở huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định. Năm 1787 ra Thăng Long diệt Trịnh, được Nguyễn Huệ giao trấn giữ Bắc Hà. 1788, ông cùng Ngô Thị Nhậm thực hiện kế hoạch lui quân về Tam Điệp, giữ lực lượng để tham gia giải phóng Thăng Long năm 1789. Ông từng đi sứ sang triều Thanh trong đoàn phái bộ Quang Trung “già” năm 1790. Vì gièm pha, ông bị chìm chết dưới sông Hương thời vua Quang Toàn.
42	Nguyễn Gia Thiều	1741-1798	Tước Ôn Như Hầu người làng Liêu Ngạn, huyện Siêu Loại (nay là Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh). Ông sinh trưởng trong một gia đình quý tộc, từ bé học trong phủ chúa Trịnh, thông minh, hiểu nhiều ngành nghệ thuật: nhạc họa, kiến trúc... 18 tuổi làm Hiệu úy rồi thăng Tổng binh, trấn thủ Hưng Hóa, được phong tước hầu. Tây Sơn thống nhất đất nước, ông về làng ẩn dật rồi mất. Tác giả Cung oán ngâm khúc nổi tiếng.

43	Nguyễn Trãi	1380-1442	Nhà tư tưởng lớn-hiệu Úc Trai; người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (nay là Thường Tín, Hà Nội), quê gốc ở Chí Linh (Hải Dương), đỗ thái học sinh năm 1400 thời nhà Hồ, làm Chánh trưởng Ngự sử đài. Quân Minh xâm lược, bắt cha ông là Nguyễn Phi Khanh giải về Tàu và giam lỏng ông ở Đông Quan. Ông trốn vào Lam Sơn theo Lê Lợi, dâng sách Bình Ngô, tham gia cuộc bao vây địch ở Đông Quan, giành toàn thắng, theo lệnh vua Lê Thái Tổ viết bài Bình Ngô đại cáo được coi như bản tuyên ngôn độc lập thứ hai trong lịch sử nước ta. Ông giữ chức Nhập nội Hành khiển, trở thành nhà chiến lược, nhà ngoại giao, nhà tư tưởng - văn hóa lớn của dân tộc; để lại nhiều tác phẩm thơ văn mang tính nhân đạo tiêu biểu. Cuối đời bị vu oan, ông về ở ẩn tại Côn Sơn (Chí Linh, Hải Dương), rồi chịu án "Lệ chi viên" tru di ba họ. Hai mươi năm sau, Lê Thánh Tông mới minh oan cho ông. Tác phẩm để lại: Dư địa chí, Lam Sơn thực lục, Quân trung từ mệnh tập, Quốc âm thi tập...Mấy thế kỷ qua, Nguyễn Trãi luôn luôn được mọi người ngưỡng mộ. Năm 1980, ông được xếp vào hàng danh nhân văn hóa thế giới.
44	Phan Huy Chú	1782-1840	Nhà bách khoa, nhà văn hóa nổi tiếng; con Phan Huy Ích, quê gốc Hà Tĩnh, sinh ở làng Thầy (Sài Gòn) huyện Yên Sơn (nay là Quốc Oai, tỉnh Hà Tây); chỉ đỗ sinh đồ, nhưng có thực tài, hay chữ, mở trường dạy học và soạn sách. Năm 1821 Minh Mạng bổ ông làm Biên tu Quốc sử giám; đi sứ nhà Thanh hai lần (1825-1831), Phủ thừa Phủ Thừa Thiên, Hiệp trấn Quảng Nam rồi bị cách chức bắt đi phục vụ đoàn thuyền sang Nam Dương quần đảo. Tác giả nhiều sách giá trị: Lịch triều hiến chương loại chí, Hoàng Việt dư địa chí, Hoa triều ngâm lục.
45	Nguyễn Trường Tộ	1828-1871	sang học ở Paris, 1861 ông về nước, có kiến thức rộng, muốn cải cách xã hội, chấn hưng đất nước bằng công nghiệp nhưng do triều Tự Đức thủ cựu đã gạt bỏ 58 bản điều trần tiến bộ của ông từ năm 1863 đến năm 1871.
46	Phùng Hưng	? - 789	Người làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Hà Tây (nay thuộc xã Đường Lâm, thành phố Sơn Tây, Hà Nội); nổi tiếng khỏe mạnh, từng là đô vật, làm quan lang, khởi nghĩa chống lại sự đô hộ của nhà Đường khoảng đời Đại Lịch (776-779), chiếm được thành Tống Bình (Hà Nội), quan đô hộ Cao Chính Bình sợ mà chết. Ông lên làm vua năm 782 được dân tôn xưng là Bố Cái Đại Vương. Lăng mộ ông còn ở đầu phố Giảng Võ.
47	Phùng Khắc Khoan	1528-1613	Người làng Bùng (Phùng Xá), huyện Thạch Thất, nay thuộc Hà Nội; nổi tiếng thông minh từ nhỏ, học trò Nguyễn Bình Khiêm, quen gọi là Trạng Bùng. Năm 1550 vào Thanh phủ Lê, diệt Mạc. Đỗ hoàng giáp (1580), làm quan thượng thư Bộ Hộ, Bộ Công triều Lê; đi sứ sang nhà Minh (1597), lý lẽ cứng cỏi. Ông còn là nhà thơ, tác giả tập thơ Nôm Lâm tuyền văn, miêu tả các loài cây cỏ. Ông đem nghề dệt dạy cho dân vùng quê ông.
48	Trần Quý Cáp	1870-1908	Trần Quý Cáp, quê huyện Điện Bàn, Quảng Nam, làm Giáo thụ huyện Thăng Bình, tham gia lập Công ty Liên Thành, mở trường Dục Thanh (Phan Thiết); sáng lập hội Duy Tân, hưởng ứng phong trào chống thuế ở Quảng Nam (1908), bị Pháp bắt và xử chém.

49	Trương Định		1820-1864	Trương Định, quê huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, ngụ ở Gia Định; làm quan nhưng không chịu theo lệnh triều đình hòa với Pháp, lập căn cứ Tân Hòa (Gò Công) chống giặc trong hai năm; bị thương và tự vẫn, không chịu rơi vào tay giặc.
50	Trương Hán Siêu		?-1355	Trương Hán Siêu, quê huyện Yên Ninh (nay là Tp Ninh Bình), Ninh Bình; được Trần Hưng Đạo nuôi dưỡng và tiến cử, sau làm tới chức Hành khiển, Tả Tham tri Chính sự; trở thành nhà văn, nhà chính trị nổi tiếng thời Trần, là tác giả Hoàng Triều đại điển, Bạch Đằng giang phú ...
51	Chu Văn An		1292-1370	Nhà giáo, nhà thơ, hiệu "Tiêu An", quê ở làng Văn, xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Ông do Thái học sinh không ra làm quan, mở trường dạy học bên sông Tô, có nhiều học trò nổi danh. Vua mời ông ra làm Tư nghiệp Quốc Tử Giám. Thấy bọn quan lại vô đạo, ông dâng sớ xin vua chém 7 tên gian nịnh không được bèn từ quan về ở ẩn và mất ở núi Phượng Hoàng, huyện Chí Linh (Hải Dương); ông có tập thơ Tiêu Ẩn thi tập. Vua Trần cho thờ ông ở Văn Miếu và đình Thanh Liệt.
52	Hàn Thuyên		Thế kỷ XIII	Tên thật là Nguyễn Thuyên, người làng Lai Hạ, huyện Lương Tài, Bắc Ninh, do thái học sinh, làm tới Thượng thư Bộ hình. Nổi tiếng nhờ bài Văn tế cá sấu thời Trần, viết bằng chữ Nôm. Ông là người đi đầu làm thơ Nôm theo luật Đường do Hàn Dũ khởi xướng ở Trung Quốc, nên được nhà vua cho đổi sang họ Hàn
53	Lương Thế Vinh		1442-?	Đỗ trạng nguyên năm 1463. Ông là nhà văn hoá, nhà toán học nổi tiếng thời Hồng Đức (1470 -1497), đời Lê Thánh Tông, được dân quen gọi là Trạng Lương. Làm quan Hàn lâm viện thị giảng, giữ chức Sái phu trong hội Tao Đàn, ông để lại nhiều sách toán học, được coi như một tổ sư nghề toán ở nước ta.
54	Nguyễn Bình Khiêm		1491-1585	Nhà tư tưởng, nhà thơ lớn của thế kỷ XVI. Năm 45 tuổi, ông đỗ Trạng Nguyên làm quan dưới triều Mạc từ Tả Thị lang đến Thượng thư Bộ Lại, tước Trình Tuyên hầu, khi mất được phong Quốc công. Ông về hưu năm 70 tuổi và mở trường dạy học, viết sách, lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ, để lại nhiều thơ Hán - Nôm trong tập "Bạch Vân thi tập", "Bạch Vân quốc ngữ thi tập".
55	Lê Quý Đôn		1726 - 1784	Đỗ bảng nhãn, vào làm ở Hàn lâm viện, được giao soạn quốc sử. Năm 1767 chúa Trịnh phong chức Bồi tụng, làm Hiệp trấn Nghệ An, rồi về triều giữ chức Thượng thư bộ Công. Ông là nhà bác học, nhà văn hoá lớn, để lại nhiều tác phẩm giá trị về văn, sử, triết, kinh tế, địa lý... như "Phủ biên tạp lục", "Văn đài loại ngữ", "Kiến văn tiểu lục", "Đại Việt thông sử"... mang tính bách khoa toàn thư.
56	Nguyễn Du		(1766-1820)	<i>Đại thi hào dân tộc, người làng</i> Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; sinh ra ở làng Bích Châu, thành Thăng Long. Ông có tự là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, xuất thân trong một gia đình quý tộc. Đậu tú tài, làm chức quan nhỏ thời Lê Mạt. Khi Tây Sơn ra Bắc Hà, ông lánh về quê vợ ở Thái Bình, rồi về quê nội. Thời Gia Long ông được bổ trí làm Tri huyện, Tri phủ, phong hàm Cản chánh điện học sĩ, từng đi sứ sang Trung Quốc. Ông để lại nhiều thi phẩm Hán-Nôm, trong đó có tác phẩm bất hủ "Truyện Kiều". Ông được UNESCO phong là Nhà văn hóa thế giới. Năm 1966, các châu lục đều tổ chức kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông.

57	Nguyễn Đình Chiểu	1822-1888	<p>Tự Mạnh Trạch, hiệu Trọng Phủ, Hối Trai (sau khi bị mù); là nhà thơ lớn của Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ 19. Ông xuất thân trong gia đình nhà nho. Thuở nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu được mẹ nuôi dạy. Năm lên 6, 7 tuổi, ông theo học với một ông thầy đồ ở làng. Nguyễn Đình Chiểu sống ở Huế từ 11 tuổi (1833) đến 18 tuổi (1840), thì trở về Gia Định. Năm Quý Mão (1843), ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định lúc 21 tuổi. Khi ấy, có một nhà họ Võ hứa gả con gái cho ông. Năm 1847, ông ra Huế học để chờ khoa thi năm Kỷ Dậu (1849) thì nghe tin mẹ mất (1848), ông khóc thương mà bị mù, trở về Gia Định chịu tang rồi mở trường dạy học. Pháp chiếm Gia Định, ông ủng hộ Trương Định, viết nhiều thơ văn cổ vũ nhân dân chống Pháp. Tác giả các truyện Nôm nổi tiếng: Lục Vân Tiên, Dương Từ Hà Mậu và Ngư Tiều y thuật vấn đáp.</p>	
58	Nguyễn Khuyến	1835-1909	<p>Đỗ đầu ba trường nên được gọi Tam Nguyên Yên Đổ. Làm quan tới chức Học sĩ sung Quốc sử quán Toàn tu. Triều Nguyễn đầu hàng Pháp, ông cáo quan về quê. Là nhà thơ hiện thực và trào lộng nổi tiếng.</p>	
59	Lê Văn Hưu		<p>Ông là người hương Phú Lý, nay là xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Đỗ Bảng Nhân năm 1247, được giữ chức Học sĩ viện Hàn lâm, kiêm Giám tu quốc sử. Cuối đời thăng Thượng thư bộ Binh, tước Nhân yên hầu.</p> <p>Ông là cháu bảy đời của Lê Lương, một vị hào trưởng ở đất Ái Châu, đời vua Đinh Tiên Hoàng, nhưng đến đời Trần thì sa sút. Lê Văn Hưu là con của ông Lê Văn Minh và bà Đỗ Thị Hoà lúc bé theo học thầy giáo họ Nguyễn ở làng Phúc Triền nổi tiếng thần đồng. Năm Đinh Mùi 1247, thi đỗ Bảng nhân đồng thời với Trạng nguyên Nguyễn Hiền, Thám hoa Đặng Ma La, rồi được giao nhiều chức vụ. Ông đã sống gần trọn một thế kỷ, trực tiếp tham gia chống quân Nguyên Mông lần thứ I (1258) và lần thứ II (1285).</p> <p>Lê Văn Hưu là nhà Sử học đầu tiên ở Việt Nam. Năm 1272, ông soạn xong bộ Đại Việt sử ký gồm 30 quyển. Bộ sách này ngày nay đã mất chỉ còn sót lại một số lời bình được Ngô Sĩ Liên trích đưa vào bộ Đại Việt sử ký toàn thư. Qua những lời bình ấy, người ta nhận được tư tưởng và phong cách của Lê Văn Hưu. Ông là nhà sử học uyên bác, có tinh thần dân tộc cao, có phương pháp chép sử vững vàng, có tinh thần dân tộc, có cách diễn đạt dồi dào tình cảm.</p>	

60	Đào Duy Từ	1572 - 1634	Sử sách đều nhất trí chép: Đào Duy Từ là soạn giả cuốn sách Hồ Trướng khu cơ. Như tên gọi, sách là một tài liệu dùng cho các vị chỉ huy quân sự, các vị chủ soái; gồm những chỉ dẫn về binh pháp, trận đồ, cách điều hành, tổ chức quân đội, khí giới. Loại tài liệu này, ở nước ta rất hiếm. Chỉ biết rằng, dưới triều Trần, vị tiết chế Trần Quốc Tuấn có những bộ Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp bí truyền v.v..., hiện nay chưa tìm được nguyên bản (bản dịch của Nxb Sử học trước đây có lẫn lộn cả nhiều ý kiến người đời sau; không phải là nguyên văn của Trần Hưng Đạo). Hồ Trướng khu cơ của Đào Duy Từ là tác phẩm quân sự có lẽ là nguyên vẹn cho đến ngày nay. Sau này Lương Huy Bích (một tác giả Thanh Hoá hồi giữa thế kỷ XIX) có tham khảo để viết trong cuốn Kỷ sự Tân biên. Trong sách Hồ trướng khu cơ có một đoạn cho thấy rõ là ông đã tiến hành việc đắp các chiến lũy ở Quảng Bình dưới con mắt sắc sảo của một vị tướng.
61	Bùi Xương Trạch	1451-1528	Danh nhân thời Lê Sơ, sinh ở làng Định Công, huyện Thanh Trì sau chuyển sang cư ngụ ở làng Thịnh Liệt, nay thuộc quận Hoàng Mai, lập ra dòng họ Bùi khoa bảng. Ông đỗ Tiến sĩ khoa 1478, được cử vào Hàn Lâm Viện, làm đến chức Thượng thư Bộ Binh, Đô ngự sử. Tế tửu Quốc Tử Giám, tước Quảng Văn Hầu, truy tặng là Thái phó Quảng quận công. Ông là tác giả bài ký Quảng Văn Đình nổi tiếng.
62	Đào Duy Anh	1904-1988	Quê Khúc Thủy, huyện Thanh Oai, Hà Nội, nhà văn hóa, nhà bách khoa thư hiện đại, nhà nghiên cứu sử học, văn học, ngôn ngữ học, tác giả nhiều cuốn từ điển (Hán - Việt, Pháp - Việt, Truyện Kiều) và sách nghiên cứu, lý luận có giá trị.
63	Đặng Trần Côn		Quê ở vùng Kê Mộc, Hạ Đình, xã Khương Đình, huyện Thanh Trì. đỗ hương cống, làm tới Tri huyện Thanh Oai, sống khoảng đầu thế kỷ XVIII. Ông giỏi thơ phú, đứng đầu Thanh Trì tứ hổ thời ấy, tác giả Chinh phụ ngâm viết bằng chữ Hán sau được nhiều người dịch sang chữ Nôm.
64	Đoàn Thị Điểm	1705-1748	Hiệu "Hồng Hà nữ sĩ", quê ở xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên. Từ nhỏ đã hay chữ, từng lên Thăng Long dạy cung nữ trong phủ Chúa. Bà lấy ông Nguyễn Kiều, tiến sĩ người làng Phú Xá (nay thuộc phường Phú Thượng, quận Tây Hồ). Bà là tác giả Truyện ký tân phá và dịch giả Chinh phụ ngâm.
65	Đội Cấn	?-1918	Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn) (?-1918): quê xã Vũ Di, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc) làm đội lính khổ xanh ở Thái Nguyên, được Lương Ngọc Quyến (bị giam ở đây) giác ngộ, phát động khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30-8-1917; bị Pháp đàn áp rút quân vào rừng Vĩnh Yên, thế cùng lực tận, ông tự sát, không chịu để giặc bắt.
66	Hồ Tùng Mậu	1896-1951	Quê làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; tên chính là Hồ Bá Cự, tham gia cách mạng từ sớm, hoạt động ở Lào, Thái Lan, Trung Quốc. Năm 1926 vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, tham gia khởi nghĩa Quảng Châu, bị bắt ba lần, năm 1930 tham gia Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản. Năm 1931 bị bắt giải về nước giam ở Tây Nguyên. Ông vượt trại về hoạt động ở miền Trung. Ông đã giữ các chức vụ Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính Liên khu IV, Tổng Thanh tra Chính phủ, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II. Ông hy sinh trên đường đi công tác ở Thanh Hóa.

67	Trần Phú		1904 -1931	Tham gia cách mạng từ 1925, được cử sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc mở. Năm 1930 về nước, được cử vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ông viết bản Luận cương chính trị và được bầu làm Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Vào Sài Gòn lãnh đạo cách mạng, ông bị địch bắt (4/1931), bị tra tấn dã man nên ốm nặng và mất ngày 6/9/1931 tại nhà thương Chợ Quán.
68	Hà Huy Tập		1902 -1941	Ông sinh tại Hà Tĩnh, tham gia cách mạng từ năm 1927, Ủy viên Trung ương Đảng rồi Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương từ tháng 7/1936. Tháng 3/1938, ông bị Pháp bắt giam. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ thất bại (11/1940), ông bị Pháp bắt lần thứ hai, buộc tội âm mưu khởi nghĩa, cùng xử bắn ông và các đồng chí lãnh đạo khác của Đảng như Nguyễn Văn Cừ, Nguyễn Thị Minh Khai, Phan Đăng Lưu, Võ Văn Tần... ngày 28/8/1941 tại Bà Điểm.
69	Lê Thanh Nghị		1911-1989	Tên thật là Nguyễn Khắc Xương, quê ở làng Thượng Cốc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, làm thợ điện, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Năm 1936 ra tù được cử vào Thành ủy Hà Nội công tác ở Xứ ủy Bắc Kỳ. Năm 1940 lại bị bắt đày đi Sơn La. Đầu năm 1945 ông ra tù, tiếp tục hoạt động và tham gia Thường vụ Xứ ủy, Ủy ban quân sự cách mạng Bắc Kỳ, chỉ đạo chiến khu II. Sau là Chánh văn phòng Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký Hội đồng Nhà nước, đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VI.
70	Nguyễn Văn Cừ		1912 -1941	Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương (1938-1940). Ông sinh trong một gia đình nhà Nho, quê xã Phù Khê, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1927, ông tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Tháng 6 năm 1929, ông được kết nạp vào chi bộ Đông Dương Cộng sản đảng đầu tiên ở Hà Nội. Năm 1930, được cử làm Bí thư đặc khu Hồng Gai -Uông Bí. Bị Pháp bắt, kết án khổ sai, đày đi Côn Đảo. Năm 1936, ông được trả tự do, về hoạt động bí mật ở Hà Nội. Nguyễn Văn Cừ đã tập trung vào công tác khôi phục cơ sở Đảng khôi phục và đẩy mạnh phong trào đấu tranh của nhân dân và đã thành công trong việc lập lại Xứ ủy Bắc kỳ và trở thành ủy viên Thường vụ Xứ ủy Bắc Kỳ (tháng 3 năm 1937). Tháng 9/1937, được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ở Hội nghị Hóc Môn (Gia Định). Năm 1938, ông được bầu làm Tổng bí thư khi mới 26 tuổi. Ngày 28/8/1941, bản án được thi hành cùng lúc với một số đảng viên cộng sản khác tại trường bắn Hóc Môn.
71	Nguyễn Thị Minh Khai		1910 -1941	Quê quán xã Vĩnh Yên, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, một trong những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1930-1940. Năm 1930 được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, phụ trách vận động vùng Trường Thi - Bến Thủy rồi sang công tác ở Quốc tế Cộng sản tại Hương Cảng, bị chính quyền Quốc dân Đảng Trung Quốc bắt giam (1931 - 1934). Năm 1936 về nước, tham gia Xứ ủy Nam Kỳ, Bí thư Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn, chỉ đạo khởi nghĩa Nam Kỳ và bị bắt tháng 7-1940. Pháp xử bắn bà tại Hóc Môn ngày 28/8/1941.
72	Tô Hiệu		1912-1944	Quê quán thôn Xuân Cầu, xã Nghĩa Trụ, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Ông sinh tham gia vào các phong trào yêu nước của học sinh như bãi khóa truy điệu Phan Chu Trinh, tham gia phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu. Năm 1930, bị bắt và bị đày ra Côn Đảo; năm 1934 ra tù, hoạt động Mặt trận Dân chủ ở Hà Nội. Tháng 12-1939, ông lại bị Pháp bắt, giam tại nhà tù Sơn La. Do bị tra tấn, tù đầy gian khổ, ông lâm bệnh nặng, qua đời. Đến nay tại di tích - nhà tù này vẫn còn cây đào do ông trồng.

73	Phan Đình Giót	1920 -1954	<p>Quê quán ở làng Tam Quang, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh. Sau Cách mạng tháng Tám, Phan Đình Giót tham gia tự vệ chiến đấu. Đến năm 1950, Phan Đình Giót xung phong vào bộ đội chủ lực. Phan Đình Giót đã tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Trung Du, Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Người anh hùng với hình ảnh lấy thân mình lấp lỗ Châu Mai trong trận mở màn diệt đồn Him Lam. Ông là một trong 16 anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân được tuyên dương vì thành tích trong chiến dịch Điện Biên Phủ.</p>
74	Tô Vĩnh Diện	1924 - 1953	<p>Quê quán thôn Dược Khê, xã Nông Trường, huyện Nông Công (nay thuộc huyện Triệu Sơn), tỉnh Thanh Hóa. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tấm gương với hành động lấy thân mình chèn pháo trong chiến dịch Điện Biên Phủ.</p>
75	Nguyễn Việt Xuân	1933 -1964	<p>Quê quán xã Ngũ Kiên, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Trong một trận đánh ác liệt chống trả máy bay Mỹ, ông bị bom phạt gần đứt một chân, đã bảo y tá cắt nốt phần thịt còn dính, để cổ vũ đồng đội chiến đấu. Tiếng hô "Nhằm thẳng quân thù mà bắn!" của Nguyễn Việt Xuân đã trở thành tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.</p>
76	Võ Thị Sáu	1933 -1952	<p>Quê quán tại xã Phước Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa nay thuộc xã Phước Long Thọ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Mười bốn tuổi đã tham gia kháng chiến chống Pháp. Năm 1950, bị sa vào tay địch, suốt gần ba năm chị bị giam cầm, tra tấn dã man, dụ dỗ ngon ngọt, bị đày ra Côn Đảo nhưng thực dân Pháp vẫn không moi được một lời khai, chị đã bị xử bắn tại Côn Đảo ngày 23/1/1952.</p>
77	Nguyễn Văn Trỗi	1940 -1964	<p>Quê quán tại làng Thanh Quýt, xã Điện Thắng, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Chiến sĩ biệt động Sài Gòn, anh nhận nhiệm vụ đánh bom ở cầu Công Lý nhằm giết tên Mác Namara - Bộ trưởng quốc phòng Mỹ. Công việc bị lộ, anh bị bắt dù bị tra tấn cực hình, nhưng anh một mực không khai, cuối cùng bị xử tử hình. Nguyễn Văn Trỗi là tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, anh được truy tặng Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.</p>
78	Lương Đình Cù	1918-1975	<p>Nhà nông học Việt Nam hiện đại. Ông sinh ở Sóc Trăng, Nam Bộ, tốt nghiệp trường Đại học Tổng hợp Kyoto và Kiusiu, trở thành tiến sĩ thứ 96 của Nhật Bản. Năm 1954, ông về Sài Gòn, làm ở Viện Nghiên cứu canh nông, rồi ra chiến khu tập kết ra Bắc. Cả cuộc đời ông cống hiến cho sự nghiệp lai tạo các loại giống cây trồng, đặt nền móng cho nền khoa học nông nghiệp Việt Nam, làm Viện trưởng Viện cây lương thực và thực phẩm, được phong Anh hùng lao động.</p>

79	Ngô Gia Khảm		1919-1990	<p>Anh hùng lao động, quê xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, Bắc Ninh. Sinh ra trong một gia đình cách mạng, ông được cậu là Ngô Gia Tự giác ngộ và tham gia cách mạng từ sớm. 16 tuổi làm thợ nguội Nhà máy Xe lửa Gia Lâm. 1941, bị Pháp bắt đày đi Sơn La. Ra khỏi ngục, 1944 tham gia chế vũ khí cho Việt Minh. Ông là một trong những người lập xưởng quân khí, làm ra quả lựu đạn đầu tiên. Sau Cách mạng tháng Tám và trong kháng chiến chống Pháp ông lập xưởng hóa chất đầu tiên ở Việt Bắc, chế tạo hạt nỏ, ba lần chế thử bị thương nặng vẫn không nản. 1952 được tuyên dương Anh hùng lao động đợt đầu tiên. 1954 về tiếp quản làm giám đốc Nhà máy Xe lửa Gia Lâm, rồi làm Cục trưởng Cục đầu máy – Toa xe, Tổng cục Đường sắt, Trưởng ban Thanh tra Bộ Giao thông vận tải.</p>	
80	Ngô Gia Tự			<p>Ngô Gia Tự (1908-1935): nhà cách mạng tiền bối của Đảng Cộng sản cách mạng Việt Nam; người xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Học trường Bưởi, bị đuổi vì bãi khóa. Gia nhập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. 1927 sang Quảng Châu dự huấn luyện, về nước được vào Tỉnh bộ Bắc Ninh, Kỳ bộ Bắc Kỳ. Ông là một trong bảy người lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở phố Hàm Long (3-1929). Thành lập Đảng, ông làm Bí thư lâm thời Xứ ủy Nam Kỳ. Cuối năm 1930 bị bắt và kết án tù chung thân, 1933 đày ra Côn Đảo. Tháng 01-1935, ông cùng một số đồng chí vượt Côn Đảo và mất tích giữa biển đông.</p>	
81	Nguyễn Đức Cảnh		1908-1932	<p>Cán bộ tiền bối của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông sinh tại làng Diêm Điền, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Học thành chung ở Nam Định, 1926 ra dạy học ở phố Bạch Mai, Hà Nội và làm thợ sắp chữ cho Nhà in Lê Văn Tân, giác ngộ cách mạng, tham gia Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. 1927 sang huấn luyện ở Quảng Châu, về nước cùng Chi bộ Hàm Long thành lập Đông Dương Cộng sản đảng ở 312 Khâm Thiên (6-1920). Đại biểu chính thức của Hội nghị thành lập Đảng (1930), Thường vụ Xứ ủy Trung Kỳ. Tháng 4-1931 bị bắt ở Vinh, Pháp giam ông tại Hòa Lò, tòa đề hình xử ông án tử hình. Ngày 31-7-1932, ông bị xử tử tại nhà lao Hải Phòng.</p>	
82	Phạm Hồng Thái		1884-1924	<p>Tên thật là Phạm Thành Tích hoặc Phạm Đãi; người làng Do Nha, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, làm thợ nhà máy xe lửa Tràng Thi và nhà máy Diêm Bến Thủy. Năm 1923 được Lê Hồng Phong đưa sang Trung Quốc, gia nhập Tâm tâm xã - mưu giành độc lập cho Tổ Quốc. Ông tham gia mưu sát tên toàn quyền Méc-lanh khi đến thăm Quảng Châu và bị địch đuổi bắt đã nhảy xuống sông Châu hy sinh. Mộ ông chôn ở Hoàng Hoa Cương cùng với các chiến sĩ Trung Hoa hy sinh trong Cách mạng Tân Hợi (1911).</p>	

83	Phạm Hùng		1912-1988	Tên thật là Phạm Văn Thiện, quê xã Long Hồ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Ông tham gia cách mạng từ năm 1928-1929 trong Thanh niên cộng sản Đoàn, năm 1930 vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931 bị Pháp bắt và kết án tử hình, sau rút xuống tù chung thân, đày đi Côn Đảo. Cách mạng tháng Tám thành công, ông về Nam Bộ làm Bí thư Xứ ủy. 1951 được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, lãnh đạo Trung ương Cục miền Nam, Ủy ban kháng chiến - hành chính miền Đông Nam Bộ. Năm 1954 là Trưởng đoàn quân sự Việt Nam trong Ban Liên hiệp Đình chiến tại Nam Bộ. Ông là Ủy viên Trung ương Đảng từ năm 1956-1988, tham gia Bộ Chính trị, đại biểu Quốc hội từ khóa II đến khóa VIII, lần lượt giữ các chức vụ: Bộ trưởng, Phó Thủ tướng, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Chính ủy các lực lượng vũ trang miền Nam, Chính ủy Bộ Chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ông mất tại thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/3/1988.
84	Phùng Chí Kiên		1901-1941	Có tên là Nguyễn Vĩ, quê xã Mỹ Quang Thượng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, được giác ngộ cách mạng rất sớm. Năm 1926 ông sang Quảng Châu dự huấn luyện do Nguyễn Ái Quốc tổ chức rồi theo học trường Võ bị Hoàng Phố, gia nhập quân cách mạng Trung Quốc, khởi nghĩa Quảng Châu (12/1927) do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo. Năm 1931 học Đại học Phương Đông (Liên Xô). Năm 1934 tham gia chuẩn bị Đại hội lần thứ nhất của Đảng. Năm 1935 được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phụ trách công tác Đảng ở nước ngoài. Năm 1936 vận động thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh hội ở Trung Quốc. Năm 1941 cùng với cụ Hồ Chí Minh về Pắc Bó, chỉ đạo căn cứ Bắc Sơn (Cao Bằng), chỉ huy trung đội cứu quốc quân số 1. Ông bị Pháp bắt và giết hại ở Ngân Sơn tháng 8/1941, sau được truy phong quân hàm cấp tướng.
85	Trần Đại Nghĩa			Quê tỉnh Vĩnh Long; học ở Pháp, theo lời kêu gọi của Bác Hồ, tình nguyện về nước tham gia kháng chiến, được phong Thiếu tướng, Cục trưởng Cục Quân giới, sáng chế ra súng không giật SKZ, Badoca; là Viện sĩ nước ngoài Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước, Anh hùng Lao động, Giải thưởng Hồ Chí Minh.
86	Ngô Tất Tố		1894 - 1954	Quê ở làng Lộc Hà, tổng Hội Phụ, phủ Từ Sơn, Bắc Ninh, nay là thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội. Nhà báo, nhà văn hiện đại: ông đồ đầu xứ nhưng bỏ nho học, đi làm báo, viết văn, dịch thuật. Những tác phẩm nổi tiếng trước Cách mạng như Tất đên, Việc làng, Lều chõng.... cùng với nhiều bài báo bình luận xuất sắc. Được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh (1996).
87	Nam Cao		1914 -1951	Quê ông tại làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, Hà Nam). Nhà văn hiện thực Việt Nam, tham gia Văn hoá cứu quốc và gia nhập Việt Minh năm 1941, đi Nam tiến 1946 rồi lên chiến khu Việt Bắc. Hy sinh trên đường vào công tác ở vùng địch hậu khu III. Tác giả nhiều truyện ngắn và tiểu thuyết nổi tiếng: Chí Phèo, Sống mòn, Đôi mắt, Chuyen biên giới...

88	Đào Duy Từ		1572-1634	Quê huyện Tĩnh Gia, Thanh Hóa, con một gia đình nghệ sĩ tuồng vào Đàng Trong theo chúa Sãi chống họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Ông giúp chúa Nguyễn đắp lũy Thầy (gồm 2 lũy Trường Dục, Nhật Lệ) ở Quảng Bình, được coi là Khai quốc công thần. Tác giả Hồ trưởng khu cơ (sách binh pháp), tuồng Sơn Hậu, khúc ngâm Ngọc Long Cương Văn...
89	Đào Tấn		1845-1907	Nhà soạn tuồng lớn nhất nước ta. Ông quê ở Tuy Phước, Bình Định, đỗ cử nhân sung chức Hiệu thư, Thị độc, Nội các, Tổng đốc An Tĩnh (Nghệ Tĩnh), Công bộ Thượng thư.
90	Hàn Mặc Tử			Hàn Mặc Tử (1912-1940): tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ở làng Lệ Mỹ, huyện Đồng Lộc, tỉnh Đồng Hới (nay là tỉnh Quảng Bình). Hàn Mặc Tử làm thơ sớm, 14 tuổi đã làm thơ Đường luật đăng báo với bút danh Minh Huệ Thị. Năm 1930 đoạt giải nhất trong cuộc thi thơ do một thi xã tổ chức. Cùng Chế Lan Viên lập trường thơ Loạn. Ông sử dụng nhiều bút danh: Phong Trần, Lệ Thanh rồi cuối cùng là Hàn Mặc Tử. Tác phẩm gồm có: Lệ Thanh thi tập, Gái quê, Đau thương (còn gọi là Thơ điên), Xuân như ý, Thượng thanh khí, Cầm châu duyên (gồm 02 vở kịch thơ: Duyên kỳ ngộ và Quần tiên hội)...Hàn Mặc Tử học tiểu học ở Qui Nhơn, trung học ở Huế, có thời gian làm ở Sở Đạc điền (Qui Nhơn). Năm 1934-1935 theo Thúc Tề vào Sài Gòn làm báo (viết báo Công luận, phụ trách trang văn báo Sài Gòn), về sau lại trở ra Qui Nhơn. Năm 1936 bị mắc bệnh phong, phải vào nhà thương Qui Hòa và qua đời ở đó.
91	Hồ Xuân Hương			Được người đời mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”, sinh sống ở phường Khán Xuân, thành Thăng Long vào nửa cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX. Bà quê gốc ở làng Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An; giỏi thơ Nôm và có tài trào lộng, châm biếm, mang phong cách riêng biệt khác người, nhiều bài thơ Nôm được truyền tụng rộng rãi trong dân gian.
92	Nguyễn Huệ		1753 -1792	Nguyễn Huệ, lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Tây Sơn, nhà quân sự thiên tài, anh hùng dân tộc. Ông làm tướng đánh đông dẹp bắc, bốn lần vào Gia Định, ba lần ra Bắc Hà, đánh thắng hai vạn quân Xiêm ở Rạch Gầm (1785), lật đổ cơ đồ chúa Trịnh (1786), đại phá 29 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long (1789). Lên làm vua, ông bắt tay xây dựng đất nước với nhiều cải cách tiên bộ, tiếc rằng ông mất sớm, lúc mới 39 tuổi
93	Nguyễn Trục		1838 -1868	một nông dân nổi lên chống Pháp, từng tham gia chiến dịch Nam Kỳ vọng (Esperance) của Pháp trên sông Vàm Cỏ (1861); được giao trấn thủ Hà Tiên. Pháp chiếm xong Nam Kỳ, ông lập căn cứ ở đảo Hòn Chuông tiếp tục chiến đấu cho đến khi bị Pháp bắt và đem hành hình ở Rạch Giá

94	Lương Đắc Bằng		1471 - 1521	<p>Ông quê ở làng Hội Trào, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá, đỗ Bảng Nhân từ năm 1499, làm quan đến Thượng thư bộ Lại, tước Đôn Trung bá, dưới triều vua Lê Tương Dực. Chức quan này mãi cuối đời mới nhận, thời gian làm quan dài nhất là ở chức Thị lang. Nhưng ông lại luôn luôn viện cớ, xin nghỉ ở quê nhà để chăm lo dạy học.</p> <p>Ông nổi tiếng do tài học thuở thanh thiếu niên, đã đỗ Bảng nhân. Sau đó, vua cho gọi các vị tân khoa vào. Bắt làm bài ứng chế đầu đề là Ngũ vương trưởng (cái mản của 5 vị thân vương). Lương Đắc Bằng được xếp hạng ưu: Bài hay hơn cả bài của Trạng nguyên.</p> <p>Tiếng tăm của Lương Đắc Bằng còn vang dội nhờ một bài văn khác: Bài hịch kể tội Lê Uy Mục. Ông vua này là một bạo chúa, gây tác hại cho đất nước rất nhiều. Hoàng thân Lê Oanh đã nhờ Lương Đắc Bằng làm hịch dụ các đại thần và dân chúng nổi lên lật đổ Lê Uy Mục.</p>	
95	Lê Chí Trực		Thế kỷ XIX	<p>Quê ở làng Thanh Thủy, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, làm Đề đốc Hà Nội, Pháp đánh thành, ông không giữ được của Tây, phải rút quân lên Sơn Tây và bị triệu hồi. Sau tham gia phong trào Cần Vương, cùng Nguyễn Phạm Tuân khởi binh ở Quảng Bình cho đến khi vua Hàm Nghi bị bắt (1888), ông giải tán nghĩa binh, lui về sống ẩn ở quê nhà.</p>	
96	Lương Ngọc Quyến		1885-1917	<p>Con cụ Lương Văn Can, quê làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội. Ông hưởng ứng phong trào Đông Du, sang Nhật theo Phan Bội Châu, lập Việt Nam Quang phục hội ở Trung Quốc, bị bắt giải về Việt Nam, giam ở nhà lao Thái Nguyên, ông liên lạc với Đội Cấn, làm cuộc binh biến khởi nghĩa Thái Nguyên đêm 30-8-1917. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, ông hi sinh trong cuộc chiến.</p>	
97	Nguyễn Tri Phương		1800-1873	<p>Người làng Chi Long, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên; làm quan triều Nguyễn tới chức Thống đốc Quân vụ, từng cầm quân đánh Pháp xâm lược ở Đà Nẵng (1858), Gia Định (1859) và lập phòng tuyến Chí Hòa chặn địch. Năm 1873, ông làm kinh lược sứ Bắc kỳ, chống Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ nhất. Ông bị trọng thương và bị bắt, đã cự tuyệt mọi sự cứu chữa cho đến lúc hi sinh. Tượng ông nay được đặt ở thành Cửa Bắc.</p>	
98	Thi sách		Thế kỷ I	<p>Huyện lệnh Chu Diên và là chồng bà Trưng Trắc. Ông chống lại sự đô hộ tàn bạo của nhà Đông Hán, bị Thái thú Tô Định giết hại. Hai chị em bà Trưng đã tiếp tục sự nghiệp cứu nước. Hai Bà khởi nghĩa năm 40 giành lại nền tự chủ.</p>	
99	Lãn Ông		1720-1791	<p>Tên thật là Lê Hữu Trác quê ở Liêu Xá, huyện Đường Hào (nay là Mỹ Hào), tỉnh Hưng Yên. Sau về quê mẹ Hương Sơn, Hà Tĩnh. Học rộng, nổi tiếng là danh y, từng được chúa Trịnh mời ra Thăng Long chữa bệnh cho Thế Tông. Tác giả bộ sách thuốc lớn gồm 63 quyển: “Y tông tâm lĩnh”, “Bách gia trân tàng”, “Hành giản trân như” và tập ký “Thượng kinh ký sự” ghi lại hành trình đến Thăng Long, rất có giá trị.</p>	

100	Tôn Thất Tùng		1912-1982	Anh hùng lao động, giáo sư - bác sĩ, nhà bác học Việt Nam, nổi tiếng thế giới về phẫu thuật gan. Người Huế - Thừa Thiên. 27 tuổi đã được Đại học Tổng hợp Paris tặng huy chương bạc về luận án tĩnh mạch gan. Năm 1939 mổ thành công ca cắt gan đầu tiên ở Paris. Trong kháng chiến chống Pháp làm Thứ trưởng Bộ Y tế, góp phần xây dựng Trường Đại học Y. Sau hòa bình, ông làm Chủ nhiệm khoa Ngoại Trường Y, Giám đốc Bệnh viện Việt - Đức, cống hiến nhiều công trình có giá trị cho ngành Y, đào tạo nhiều lớp bác sĩ; được bầu viện sĩ của nhiều Viện Hàn lâm trên thế giới; giảng dạy nhiều trường Đại học lớn của các nước. Huy chương Vàng Quốc tế Lannonggiơ của viện Hàn lâm phẫu thuật Paris (1977), được giới Y học toàn cầu đánh giá cao. Ông mất ngày 7/5/1982 tại Hà Nội, được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh.
101	Nguyễn Bính		1918-1966	Tên thật là Nguyễn Trọng Bính là một nhà thơ lãng mạn nổi tiếng của Việt Nam. Ông được coi như là nhà thơ của làng quê Việt Nam với những bài thơ mang sắc thái dân dã, mộc mạc. Trong suốt 30 năm, Nguyễn Bính đã sáng tác nhiều thể loại như thơ, kịch, truyện thơ... Ông sáng tác rất mạnh, viết rất đều và sống hết mình cho sự nghiệp thi ca. Ông được đông đảo độc giả công nhận như một trong các nhà
102	Tạ Quang Bửu		1910-1986	Là giáo sư, nhà khoa học Việt Nam, người đặt nền móng cho lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ quân sự Việt Nam, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đại biểu Quốc hội từ khóa I đến khóa V (1946-1981).
103	Lê Chân			là nữ tướng của Hai Bà Trưng. Bà được coi là người có công khai khẩn lập nên vùng đất đồi sau phát triển thành thành phố Hải Phòng ngày nay.
104	Lê Đình Chinh	1960-1978		Ông là chiến sĩ Công an nhân dân vũ trang (nay là Bộ đội Biên phòng) đầu tiên tử trận trong chiến tranh biên giới Việt-Trung 1978-1979, tại mặt trận huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn trong khi thi hành nhiệm vụ ngăn cản quân Trung Quốc tràn qua biên giới Việt Nam. Tên tuổi của Lê Đình Chinh trở thành một trong những biểu tượng anh hùng của thế hệ thanh niên Việt Nam trưởng thành trong khói lửa chiến tranh vệ quốc.
105	Trần Nguyên Đán			Hiệu Bạng Hồ, là tôn thất nhà Trần, dòng dõi Chiêu Minh vương Trần Quang Khải. Làm quan tới Tư đồ dưới thời các vua Trần Nghệ Tông, Trần Duệ Tông và Trần Phế Đế, tước Chương Túc quốc thượng hầu. Nguyên Đán là người hiền từ, nho nhã, có phong cách của bậc quân tử thời xưa.
106	Cao Điền			Là một võ quan nhà Nguyễn và là một cộng sự đắc lực của Tổng Duy Tân trong cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887-1892) chống Pháp ở cuối thế kỷ 19 tại Việt Nam.
107	Đặng Tiến Đông		(1738-?)	Làm quan thời Lê-Trịnh, sau đầu quân Tây Sơn và trở thành danh tướng của lực lượng này. Thân thế và sự nghiệp của ông hiện vẫn còn gây nhiều tranh cãi trong giới sử học Việt Nam.

108	Mạc Đăng Dung		1483 - 1541	Ông vốn dòng dõi Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đời Trần. Năm Bính Tí 1516, đời Lê Chiêu tông, ông thi võ đỗ đệ nhất Đô lực sĩ, làm quan thăng dần đến chỉ huy sứ, coi sóc các đạo quân, và được làm Phò phong làm Thái sư, tước Nhân Quốc Công, rồi gia phong đến tước An Hưng Vương. Từ đây ông càng thao túng triều chính, dẫn đến sự lật đổ vua Lê, dựng nên nhà Mạc vào năm Đinh Hợi 1527.
109	Hoàng Minh Giám		1904 - 1995	Là một nhà ngoại giao của Việt Nam, người trực tiếp trợ giúp cho chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đàm phán với nhà ngoại giao Sainteny của Chính phủ Pháp, dẫn đến việc kí Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3 năm 1946. Ngoài ra ông còn giữ nhiều chức vụ quan trọng của Chính phủ và Quốc hội Việt Nam như Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Văn hoá và Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội khoá VI. Ông cũng là đại biểu Quốc hội Việt Nam các khoá I, II, III, IV, V và VI, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam các khoá I, II và III, Chủ tịch Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam từ năm 1977 đến năm 1992 (Kế nhiệm là Nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình).
110	Lê Phụng Hiểu		982 - 1059	Là một đại tướng nhà Lý, phụng sự ba triều vua đầu tiên của nhà Lý đó là vua Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông và Lý Thánh Tông. Ông là người có công rất lớn trong việc phò vua Lý Thái Tông tức Lý Phật Mã lên ngôi.
111	Lê Hữu Lập		1897-1934	là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam thời kỳ trước năm 1945. Ông là Bí thư tỉnh ủy lâm thời đầu tiên của Thanh Hóa
112	Phạm Sư Mạnh			Tên thật là Phạm Độ, tự Nghĩa Phu, hiệu Úy Trai, biệt hiệu Hiệp Thạch; là danh sĩ và là quan nhà Trần trong lịch sử Việt Nam. Là học trò giỏi của nhà giáo Chu Văn An, ông đỗ thái học sinh (tiến sĩ) đời vua Trần Minh Tông, được vua đổi tên là Phạm Sư Mạnh. Năm 1323, ông bắt đầu làm quan cho nhà Trần. Ông làm quan trải ba triều vua Trần là: Minh Tông, Hiến Tông và Dụ Tông. Về văn học. Phạm Sư Mạnh nổi tiếng ngang với Lê Quát, là bạn thân đồng môn (cùng học với thầy Chu Văn An) và đồng triều. Cả hai đều được người đương thời khen tặng
113	Hà Văn Mao		?-1887	Là một thủ lĩnh nghĩa quân người dân tộc Mường hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp tại Thanh Hóa cuối thế kỷ 19. Gia đình ông nhiều đời làm thủ lĩnh bộ tộc Mường ở vùng thượng đạo Thanh Hóa, được triều Nguyễn gia phong quan tước. Bản thân ông cũng là một thổ ty Mường ở vùng châu Quan Hóa.
114	Phan Đình Phùng		1847 - 1895	Phan Đình Phùng hiệu Châu Phong. là nhà thơ và là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) trong phong trào Cần Vương chống Pháp ở cuối thế kỷ 19 trong lịch sử Việt Nam.

115	Nguyễn Bá Ngọc	1952 - 1965	Năm 1965, khi đang học lớp 4B trường PTCS Quảng Trung, Ngọc là một học sinh chăm ngoan học giỏi và rất hay giúp đỡ bạn bè. Cũng năm đó giặc Mĩ mở rộng chiến tranh và cho máy bay đánh phá các tỉnh miền Bắc nước ta, chúng ném bom cả trường học, bệnh viện...Sáng ngày 4 tháng 4 năm 1965 đế quốc Mĩ cho máy bay bắn phá vào xã Quảng Trung, quê hương của Nguyễn Bá Ngọc. Bố mẹ đi làm đồng, Ngọc một mình đưa các em nhỏ xuống hầm tránh bom. Trong lúc bom đạn đang gầm rú, Ngọc bỗng nghe tiếng khóc bên nhà bạn Khương. Không quản nguy hiểm Ngọc ra khỏi hầm và băng mình sang nhà Khương. Bạn Khương đã bị thương nặng, hai em của Khương đang sợ hãi gào khóc. Ngọc vội lấy thân mình che chở cho hai em và dìu các em xuống hầm. Cứu được hai em nhỏ an toàn, nhưng Ngọc bị trúng bom bi của giặc. Mặc dù đã được các bác sĩ tận tình cứu chữa nhưng do vết thương quá nặng Nguyễn Bá Ngọc đã anh dũng hy sinh vào lúc 2 giờ sáng ngày 5-4-1965, khi ấy Ngọc mới bước sang tuổi 14.
116	Dương Đình Nghệ		người Ái châu, làm tướng cho Khúc Hạo. Đời Hậu Lương, Lưu Nghiễm của nước Nam Hán tiếm hiệu vua ở đất Quảng Châu, lấy cớ Khúc Hạo chiếm cứ đất Giao Châu, sai Lý Khắc Chính và Lý Tri Thuận đánh chiếm Giao Châu. Con trai Khúc Hạo là Khúc Thừa Mĩ bị bắt. Dương Đình Nghệ dấy binh đánh bại Lý Khắc Chính. Vua Nam Hán cho Lý Tiến thay làm Thứ sử Giao Châu, Dương Đình Nghệ lại vây hãm. Vua Nam Hán sai Trần Bảo đem quân cứu Lý Tiến, Dương Đình Nghệ đón đánh chém Trần Bảo, giữ thành, xưng là Tiết độ sứ. Được 8 năm, Dương Đình Nghệ bị nha tướng Kiều Công Tiễn làm phản, giết chết lên thay.
117	Trần Xuân Soạn	1849-1923	Là tướng nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Đầu tháng 4 năm 1885, thời vua Hàm Nghi, ông cùng tướng Tôn Thất Thuyết đánh Pháp ở đồn Mang Cá trong trận Kinh thành Huế. Sau khi thất bại, ông lãnh nhiệm vụ tổ chức phong trào Cần vương kháng Pháp ở Thanh Hóa.
118	Ngô Thì Sĩ	1726-1780	Ngô Thì Sĩ tự: Thế Lộc, hiệu: Ngô Phong, đạo hiệu: Nhị Thanh cư sĩ; là nhà sử học, nhà văn, nhà thơ nổi tiếng ở thế kỷ 18 tại Việt Nam; được Phan Huy Chú đánh giá là người có "học vấn sâu rộng, văn chương hùng vĩ, làm rạng rỡ cho tông phái nho gia, là một đại gia ở Nam Châu"
119	Lê Văn Tám		Lê Văn Tám là cái tên của một thiếu niên anh hùng trong thời kỳ chiến tranh Đông Dương của Việt Nam với chiến tích nổi bật là tự đốt mình để lao vào phá hủy một kho xăng của quân địch. Sau chiến tranh, hình ảnh Lê Văn Tám được coi là một biểu tượng anh hùng cách mạng, được nhắc tới cho đến tận ngày nay trong sách giáo khoa để các em thiếu nhi học tập tấm gương của một thiếu niên anh hùng dân tộc, đã xả thân vì nghiệp lớn giải phóng dân tộc
120	Tổng Duy Tân	? - 1892	Tổng Duy Tân đỗ cử nhân, đến năm Ất Hợi (1875), thi đỗ tiến sĩ. Bước đầu, ông được bổ làm Tri huyện, sau làm Đốc học Thanh Hóa rồi Thương biện tỉnh vụ.

121	Lê Trọng Tấn		1914-1986	<p>Ông là một Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông từng là Viện trưởng Học viện Quân sự Cao cấp, Tổng tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam. Ông là vị Đại tướng Việt Nam lớn tuổi nhất vào thời điểm thụ phong: 70 tuổi 352 ngày; và cũng là vị Đại tướng giữ quân hàm hiện dịch ngắn nhất: 1 năm, 343 ngày. Ông được phong hàm Đại tá. Từ tháng 3 năm 1961 đến năm 1962 là Phó Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Năm 1964, tướng Lê Trọng Tấn nhận nhiệm vụ Phó tư lệnh Quân giải phóng miền Nam với bí danh Ba Long. Ông chính là một trong những người tham gia tổ chức chiến dịch Mậu Thân 1968 cùng với Hoàng Văn Thái. Năm 1971 ông là Tư lệnh Mặt trận Đường 9. Năm 1972, ông được cử làm Tư lệnh chiến dịch Trị Thiên. Năm 1973, là Phó Tổng Tham mưu trưởng kiêm Tư lệnh Quân đoàn I Quyết thắng, quân đoàn đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Tháng 3 năm 1975, ông làm Tư lệnh chiến dịch Huế - Đà Nẵng. Tháng 4 năm 1975, ông được cử làm Phó Tư lệnh chiến dịch Hồ Chí Minh kiêm Tư lệnh cánh quân phía đông (gồm quân đoàn 2, quân đoàn 4, sư đoàn 3) tấn công vào Sài Gòn. Chính Lữ đoàn xe tăng 203, quân đoàn 2 thuộc cánh quân của ông đã tiến vào dinh Độc Lập đầu tiên. Từ năm 1976 đến tháng 2 năm 1977 ông là Phó Tổng Tham mưu trưởng kiêm Viện trưởng Học viện quân sự cao cấp. Từ tháng 6 năm 1978 đến năm 1986 ông là Tổng Tham mưu trưởng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng. Từ tháng 12 năm 1978 đến tháng 2 năm 1979 ông chỉ huy các lực lượng vũ trang trong chiến tranh biên giới Tây Nam và đánh quân Khmer Đỏ của Pol Pot ở Campuchia. Ngày 5 tháng 12 năm Khi Chiến tranh Đông Dương bùng nổ năm 1946, ông tham gia công tác quân sự. Từ 1945 đến 1950, là trung đoàn phó rồi trung đoàn trưởng các trung đoàn: Sơn La, Sơn Tây, quyền khu trưởng Khu XIV, khu phó Liên khu X. Khi Quân đội Nhân dân Việt Nam thành lập các đại đoàn chủ lực, ông trở thành Đại đoàn trưởng đầu tiên của đại đoàn 312-đại đoàn Chiến thắng (nay là Sư đoàn) ở tuổi 36. Trong trận Điện Biên Phủ, đại đoàn 312 do ông chỉ huy đã đánh trận mở màn vào cao điểm Him Lam (13 tháng 3 năm 1954) và kết thúc chiến dịch vào ngày 7 tháng 5 năm 1954, bắt sống tướng Christian de Castries và ban chỉ huy tập đoàn cứ điểm. Từ tháng 12 năm 1954 đến năm 1960 ông là Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Lục quân. Năm 1959, 1986 ông mất tại Hà nội</p>	
122	Nguyễn Thiếp		1723 - 1804	<p>Ông là nhà Nho thâm thúy và là danh sĩ cuối đời Hậu Lê và Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam. Lúc nhỏ, ông và ba anh em trai nhờ mẹ chăm sóc và chú là Tiến sĩ Nguyễn Hành rèn dạy nên đều học giỏi. Ông dự thi Hương ở Nghệ An đỗ thủ khoa, nhưng không ở lại dự thi Hội mà đi ở ẩn. Năm Bính Tuất (1756), lúc này đã 33 tuổi, Nguyễn Thiếp được bổ làm Huấn đạo (chức quan trông coi việc học trong một huyện) ở Anh Đô (phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An). Ở đó 6 năm, ông được đổi làm Tri huyện Thanh Giang (nay là Thanh Chương, Nghệ An). Tháng 9 năm Nhâm Tý (1792), vua Quang Trung đột ngột băng hà, sự nghiệp của Nguyễn Thiếp đành dở dang. Ngày 6 tháng 2 năm 1804 (Quý Hợi), danh sĩ Nguyễn Thiếp không bệnh mà mất, thọ 81 tuổi, và được an táng tại nơi ông ở ẩn.</p>	

123	Nguyễn Thuật	Thiện	1844-1926	<p>Ông là lãnh tụ cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy, một trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỷ 19. Năm 1874, khi đã đỗ Tú tài, ông được cử làm Bang biện do có công đánh giặc ở Kinh Môn tỉnh Hải Dương. Năm (Bính Tý) 1876 ông tiếp tục dự kỳ thi nho học nhưng chỉ đậu Cử nhân, cùng khoa thi này Phan Đình Phùng vào năm sau đỗ Đình nguyên Tiến sĩ. Sau đó Nguyễn Thiện Thuật được thăng chức tri phủ ở Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh. Rồi ông được bổ nhiệm giữ chức Tấn tương quân vụ tỉnh Hải Dương. Năm 1881, ông giữ chức Chánh sứ sơn phòng tỉnh Hưng Hóa kiêm chức Tấn tương quân vụ tỉnh Sơn Tây. Khi Pháp đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai năm 1882-1883, Nguyễn Thiện Thuật đã kháng lệnh triều đình nhà Nguyễn, quyết tâm đánh Pháp.</p>	
124	Cầm Bá Thước		1858 -1895	<p>Ông là một trong những thủ lĩnh người dân tộc Thái hưởng ứng phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa (Việt Nam) vào cuối thế kỷ 19. Ông sinh trong một gia đình lang đạo nhiều đời. Ông là một trong những người lãnh đạo phong trào Cần Vương ở Thanh Hóa vào cuối thế kỉ XIX. Cầm Bá Thước đã cho điều động dân binh, bố trí lại việc canh gác và đóng các đồn suốt từ Bái Thượng lên Cửa Đạt, rồi lên đến Bát Mọt. Dọc theo sông Đạt. Cầm Bá Thước cho xây dựng rất nhiều đồn lũy, lập nhiều căn cứ kháng chiến. Trong suốt 10 năm chiến đấu, nghĩa quân Cầm Bá Thước kiên cường đánh giặc với hàng chục trận đánh lớn, nhỏ, trong đó có trận rất lớn như trận đánh đồn Thổ Sơn ngày 6/2/1894. Người dân Thường Xuân còn nhớ câu ví “xác chết của quân tây ngổn ngang hai bên đường như chuỗi đồ sau một trận bão”. Phải trải qua nhiều trận khó khăn, hao binh, tổn của và tổ chức nhiều trận đánh tập trung trong hơn một năm trời, giặc Pháp mới tiến công vào căn cứ cuối cùng của nghĩa quân Cầm Bá Thước ở Hón Bông (Xuân Lệ). Một cuộc chiến đấu ác liệt cái cách, có những cố gắng chinh đốn quốc gia, có cái nhìn văn hoá sắc sảo với thời đại, ông đã không được lòng dân. Bọn xâm lược nhà Minh cho các tướng Trương Phụ, Mộc Thạch kéo sang, quân ta kháng chiến mạnh mẽ, nhưng bị thất bại. Cả hai cha con và một số triều thần bị bắt. Nhà Hồ bị diệt, và nước ta bị thuộc nhà Minh suốt mười năm trời (t</p>	

125	Tôn Thất Thuyết		1839 – 1913	<p>Ông là Phụ chính đại thần của nhà Nguyễn. Ông là một trong những quan nhà Nguyễn chống Pháp tiêu biểu nhất, cùng vua Hàm Nghi phát động phong trào Cần Vương. Năm 1869, ông giữ chức Án sát tỉnh Hải Dương. Tháng 7/1870 được sang làm biện lý Bộ Hộ và sau đó giữ chức Tán tương giúp Tổng thống quân vụ đại thần Hoàng Tá Viêm "dẹp loạn" ở các tỉnh phía Bắc. Sau chiến dịch này, Tôn Thất Thuyết được phong chức "Quang lộc tự khanh" và làm Tán lý quân thứ Thái Nguyên. Tháng 12/1870, ông chỉ huy đánh dẹp nhóm Đặng Chí Hùng ở Thái Nguyên, đánh tan quân Tàu Ô ở Hải Dương (1872); đánh thắng toán giặc khách ở Quảng Yên tháng 8/1872; tháng 12/1873 ông cùng Hoàng Tá Viêm phục binh tại Cầu Giấy (Hà Nội) giết chết viên chỉ huy quân sự trong đợt thực dân Pháp tiến đánh miền Bắc lần thứ nhất là đại úy Francis Garnier. Với những chiến công này, Tôn Thất Thuyết được vua Tự Đức cho thăng tiến nhanh. Tháng 4/1874, ông giữ chức Tuần vũ tỉnh Sơn Tây kiêm Tham tán đại thần; Hiệp đốc quân vụ Đại thần; Thượng thư Bộ Binh. Năm 1883, Năm 1881 tiến dịch Hồ Chí Minh kiêm Tư lệnh cánh quân phía đông (gồm quân đoàn 2, quân đoàn 4, sư đoàn 3) tấn công vào Sài Gòn. Chính Lữ đoàn xe tăng 203, quân đoàn 2 thuộc cánh quân của ông đã tiến vào dinh Độc Lập đầu tiên. Từ năm 1976 đến tháng 2 năm 1977 ông là</p>	
126	Phan Kế Toại		1892-1973	<p>Ông là một cựu chính khách Việt Nam. Ông làm quan cuối thời nhà Nguyễn, nguyên là Khâm sai Bắc Bộ của Chính phủ Trần Trọng Kim, nhưng sau Cách mạng tháng Tám đã tham gia Việt Minh và trở thành Phó Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong 4 nhiệm kỳ liên tục từ tháng 9 năm 1955 đến khi qua đời vào tháng 6 năm 1973.</p> <p>Năm 1941, ông được chính quyền bảo hộ Pháp bổ nhiệm làm Tổng đốc Thái Bình. Ông được bổ nhiệm làm thành viên Ủy ban Giám đốc chính trị miền bắc gồm các thành viên : Đặng Thai Mai, Hoàng Đạo, Trần Văn Lai, do bác sĩ Nguyễn Xuân Chừ làm Chủ tịch.</p> <p>Sau khi người Pháp rút khỏi Việt Nam, ông cùng các thành viên Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trở về tiếp quản miền Bắc. Ngày 10 tháng 9 năm 1955, Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất họp tại Hà Nội đã quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông được bầu làm Ủy viên Đoàn Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mười ngày sau đó, ngày 20 tháng 9, ông được bổ nhiệm làm Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam. Ông tiếp tục được tái bổ nhiệm chức vụ này trong Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa II. Ngày 30 tháng 4 năm 1963, ông được thôi nhiệm Bộ trưởng Bộ Nội vụ Việt Nam. Ông tiếp tục giữ chức vụ Phó Thủ tướng thêm 2 nhiệm kỳ nữa cho đến khi qua đời ngày 26 tháng 6 năm 1973.</p> <p>Ngày 24 tháng 8 năm 2009, ông được Nhà nước Việt Nam truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh vì sự nghiệp đóng góp của mình.</p>	

127	Lý Nhân Tông	1066 – 1128	<p>Ông là vị hoàng đế thứ 4 của triều đại nhà Lý, trị vì trong vòng 56 năm (1072 - 1128), lâu hơn bất kỳ một vị hoàng đế nhà Lý và triều đại nào trong lịch sử Việt Nam.</p> <p>Lý Nhân Tông có nhiều chính sách nhằm chấn hưng đất nước.</p> <p>Lý Nhân Tông, là sự mở đầu nghiệp thi cử và nền giáo dục cao cấp của nước nhà. Tiếp tục sự nghiệp mong mỏi của vua cha, người đặt nền móng xây dựng Trường đại học quốc gia vào năm 1070 với việc lập Văn Miếu để biêu dương Nho giáo, thờ Chu Công, Khổng Tử và các vị tiên hiền. Năm, sáu năm sau, Lý Nhân Tông là người đầu tiên khởi xướng và thực hiện chế độ thi cử và giáo dục đại học của Đại Việt để từ đó về sau, ngày càng được các triều đại nối tiếp hoàn thiện.</p> <p>Là một minh quân, Lý Nhân Tông cũng là một tấm gương khổ luyện, phấn đấu đạt đến độ "học thức cao minh, hiểu sâu đạo lý"</p>	
128	Bùi Xương Trạch	1451 - 1529	<p>Ông là quan nhà Lê sơ trong lịch sử Việt Nam. Ông là một thành viên của gia tộc họ Bùi làng Thịnh Liệt nổi tiếng ở Hà Nội.</p> <p>Năm 28 tuổi ông đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) triều Hồng Đức (Lê Thánh Tông). Lê Thánh Tông cho ông vào làm việc trong Viện Hàn lâm. Khi Thánh Tông đi đánh Chiêm Thành (1471), ông theo ra trận, coi việc quân có góp công.</p> <p>Thời Lê Hiến Tông, ông được thăng làm Hiệu thư Đông tác, rồi đổi sang làm Thiêm đô ngự sử, Thượng thư bộ Binh, Tế tửu Quốc Tử Giám coi việc tòa Kinh diên... cũng như Thượng thư Trường Lục bộ (một chức vụ quan trọng điều khiển cả sáu bộ, tương đương như Tể tướng) kiêm Đô Ngự sử, và được vua phong tước Quảng Văn Hầu. Ông nổi tiếng là người thanh liêm, được nhiều người kính phục.</p> <p>Năm 1520 thời Lê Cung Hoàng, ông đã 70 tuổi, bèn xin nghỉ hưu. Khi đó Mạc Đăng Dung đã không chế triều đình nhà Lê và tới năm 1527 thì giành ngôi nhà Lê. Năm 1529 thời Mạc Thái Tổ, ông qua đời, thọ 79 tuổi. Về sau nhà Lê trung hưng truy phong tặng ông chức Thái phó, tước Quảng Quốc công và tên hiệu là Văn Lượng.</p> <p>Tác phẩm nổi tiếng của Bùi Xương Trạch là bài ký Quảng Văn Đình.</p>	

129	Nguyễn Quốc Trị		1921 - 1967	<p>Ông là một trong 4 anh hùng quân đội đầu tiên của Việt Nam. Trước Cách mạng Tháng 8, Nguyễn Quốc Trị tham gia hoạt động chống chính sách bắt dân làm phu, nên bị thực dân Pháp bắt giam. Năm 1944, Nhật thế chân Pháp ở Việt Nam, ông cùng các anh em phá ngục, xung phong vào đội tự vệ tiên phong chống Nhật. Trong trận tham gia đánh Nhật đầu tiên, ông đã cùng tiểu đội diệt được 10 tên giặc, đốt cháy 5 xe. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, ông tham gia bộ đội chủ lực. Cuối năm 1946 - đầu năm 1947, ông đã xung phong tham dự nhiều trận đánh ở Vinh, Huế, Đông Hà cùng đồng đội diệt hàng trăm và bắt sống nhiều địch. Riêng ông đã diệt 19 lính Pháp và 2 lính Nhật. Trong chiến dịch Thu Đông năm 1950, Nguyễn Quốc Trị đã chỉ huy một trung đội đánh tan 2 trung đội của Trung đoàn Lo-pa-gio, diệt và bắt 22 người, cùng đơn vị phá gậy kế hoạch hợp quân của quân Pháp, tạo chia cách, mất thế quân bình, hàng ngũ hoang mang dẫn đến tan rã. Nguyễn Quốc Trị được phong Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào ngày 19 tháng 5 năm 1952, là một trong 4 anh hùng đầu tiên của quân đội nhân dân Việt Nam (cùng các anh hùng: liệt sĩ Cù Chính Lan, La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên). Ngày 10 tháng 10 năm 1954, sau khi trở về thủ đô Hà Nội, lúc đó ông là Trung đoàn trưởng Trung đoàn Thủ đô thuộc Đại đoàn quân Tiên Phong vào tiếp quản Hà Nội và được vinh dự đề cử kéo Quốc kỳ tại lễ mừng giải phóng thủ đô. Ngày 16 tháng 8 năm 1967, lúc đó đang là Hiệu trưởng trường Quân chính Quân khu 4, Nguyễn Quốc Trị đã mất vì bom nổ tại làng Phượng Kỳ, quê hương ông, trong một lần về thăm quê.</p>	
130	Thiệu Trị		1807 – 1847	<p>Ông tên thật là Nguyễn Phúc Miên Tông, là vị Hoàng đế thứ ba của nhà Nguyễn, triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Ông trị vì từ năm 1841 đến khi qua đời năm 1847, được truy tôn miếu hiệu là Nguyễn Hiến Tổ.</p> <p>Thiệu Trị ít có tham vọng về mở rộng lãnh thổ và khuếch trương thanh thế. Dưới thời này đất Nam-kỳ có nhiều giặc giã, dân Chân-Lạp nổi loạn và quân Tiêm-La sang đánh phá, vua phải dùng binh đánh dẹp mãi tới năm Thiệu Trị thứ bảy (1847) mới yên được.</p> <p>Từ khi vua Thiệu Trị lên ngôi thì việc cấm đạo Thiên Chúa mới nguôi đi được một ít, nhưng triều đình vẫn ghét đạo, và những giáo sĩ ngoại quốc vẫn còn bị giam ở Huế.</p> <p>Thiệu Trị qua đời ngày 27 tháng 9 năm Đinh Mùi, tức 4 tháng 10 năm 1847, hưởng thọ 41 tuổi, miếu hiệu là Hiến Tổ. Thụy hiệu của ông là Thiệu thiên Long vận Chí thiện Thuần hiếu Khoan minh Duệ đoán Văn trị Vũ công Thánh triết Chương Hoàng đế</p>	
131	Phan Chu Trinh		1872–1926	<p>Ông là nhà thơ, nhà văn, và là chí sĩ thời cận đại trong lịch sử Việt Nam. Khoa Canh Tý (1900), Phan Châu Trinh đỗ cử nhân thứ ba ở trường Thừa Thiên. Năm sau (1901), triều đình mở ân khoa, ông đỗ phó bảng, đồng khoa với tiến sĩ Ngô Đức Kế và phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Năm Quý Mão (1903) được bổ làm Thừa biện Bộ Lễ. Năm 1904 cụ xin từ quan. Phan Chu Trinh dành nhiều thời gian cho việc sáng tác văn thơ và kết giao với các sĩ phu yêu nước như Phan Bội Châu, Ngô Đức Kế... đọc "tân thư", tiếp thu tư tưởng cách mạng tư sản phương Tây, tìm hiểu cuộc duy tân ở Nhật Bản. Ngày 24-3-1926. lúc 21 giờ 30, cụ tử trần. hưởng thọ 54 tuổi. Đám tang và Lễ truy điệu Phan Chu Trinh trở thành cuộc vận động ái quốc rộng lớn.</p>	

132	Hồ Nguyên Trừng	1374 - 1446	<p>Ông là nhà kỹ thuật quân sự, là một công trình sư lỗi lạc. Ngoài ra ông còn là nhà văn Việt Nam ở thế kỷ 15. Hồ Nguyên Trừng, trước để họ Lê, tự là Mạnh Nguyên, hiệu Nam Ông là người huyện Vĩnh Phúc, lộ Thanh Hoa (nay thuộc tỉnh Thanh Hóa). Ông là con trai cả của vua Hồ Quý Ly, và là anh của vua Hồ Hán Thương.</p> <p>Dưới triều nhà Trần, Hồ Nguyên Trừng từng giữ chức Thượng Lân tự, Tư đồ. Đầu năm 1400, cha ông truất ngôi Trần Thiếu Đế, tự lên ngôi vua, lập nên nhà Hồ. Sau đó, Hồ Nguyên Trừng được cử làm Tả tướng quốc.</p> <p>Ngày 12 tháng 5 năm Đinh Hợi (tức 17 tháng 6 năm 1407), cả ba cha con ông và người cháu là Hồ Nhuế (con Hồ Hán Thương) đều bị quân nhà Minh bắt tại Kỳ La (Kỳ Anh, Hà Tĩnh), rồi bị áp giải về Kim Lăng (Nam Kinh, Trung Quốc). Kể từ đó, nhà Hồ mất, cả nước Việt rơi vào ách thống trị của nhà Minh.</p> <p>Biết được Hồ Nguyên Trừng (và Hồ Nhuế) có tài năng, vua Minh Anh Tông cho ân xá, nhưng buộc phải đổi họ khác (vì không thừa nhận gia đình ông là dòng dõi Ngu Thuấn). Vì vậy ở sách Nam Ông mộng lục, tác giả đề tên là Lê Trùng (đổi lại họ Lê như cũ).</p> <p>Sau, ông chế tạo được súng thần công [4], nên lại được làm quan ở bộ Công, thăng đến chức Tả thị lang như lời ông đề ở cuối bài Tựa trong quyển Nam Ông mộng lục. Trong Vân đài loại ngữ, Lê Quý Đôn nhắc đến một tình tiết: "quân Minh khi làm lễ tế súng đều phải tế Trùng".</p> <p>Theo Minh sử, thì Hồ Nguyên Trừng được thăng chức Công bộ Thượng thư (1445) được một năm thì mất, thọ 73 tuổi.</p>
133	Trần Tế Xương	1870 - 1907	<p>Cuộc đời của Trần Tế Xương là cuộc đời của một nghệ sĩ, nhưng trước hết là một trí thức phong kiến. Nổi tiếng thông minh, con đường hoạn lộ của nhà thơ bắt đầu từ năm 17 tuổi, nhưng thi mãi tám lần cũng chỉ đỗ Tú tài. Suốt đời ngoài việc đi thi, làm thơ phú và nay đây mai đó, nhà thơ hầu như không làm gì, kể cả dạy học.</p> <p>Trần Tế Xương mất đột ngột ngày Rằm tháng Chạp năm Bính Ngọ (29/01/1907), năm đó ông mới ba mươi bảy tuổi. Cuộc đời ngắn ngủi của nhà thơ rơi vào đúng giai đoạn có nhiều biến động, đau thương nhất của lịch sử dân tộc và xã hội Việt Nam: Mất Nam Kỳ, Bắc Kỳ rồi thực dân Pháp đặt ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam. Xã hội phong kiến mục ruỗng nhưng chưa chết hẳn lại mang một xã hội mới nhỏ nhãng hơn. Cái xã hội ấy đã đi vào thơ Tú Xương hầu như nguyên vẹn cả hình hài, từ sự tha hóa của nhiều bộ phận xã hội trước ma lực của đồng tiền. Nhà thơ vạch trần, đã kích ngay thẳng và có khi còn gọi tên điếm mặt. Bên cạnh phần lớn thơ trào phúng, Tú Xương còn để lại nhiều bài thơ trữ tình thâm thiết. Điều này phản ánh bản chất, cốt cách của nhà thơ, một người giàu lòng yêu thương, luôn thao thức với đời và cũng hết sức chân thật khi tự trách mình.</p>